

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



SO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thanh Huyền
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI
CÔNG TY TNHH SƠN HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thanh Huyền
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thanh Huyền

Mã SV: 1412401193

Lớp: QT1802K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH
Sơn Hải

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế tổ chức kế toán hàng tồn kho
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán hàng tồn kho trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán hàng tồn kho năm 2017 tại Công ty TNHH Sơn Hải

.....
.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Công ty TNHH Sơn Hải

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 13 tháng 08 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 03 tháng 11 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI THEO THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC	2
1.1. Một số vấn đề chung về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.	2
1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.	2
1.1.2. Đặc điểm hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.	2
1.1.3. Vai trò của hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.....	3
1.1.4. Phân loại hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại.	3
1.1.5. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng tồn kho.	4
1.2. Tổ chức kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại theo thông tư 200/2014/TT-BTC	6
1.2.1. Quy định chung về hạch toán hàng tồn kho.....	6
1.2.1.1. Yêu cầu đánh giá hàng tồn kho.....	6
1.2.1.2. Xác định giá trị nhập - xuất hàng tồn kho.....	7
1.2.1.3. Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.....	13
1.2.2. Kế toán chi tiết hàng tồn kho.	14
1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	14
1.2.2.2. Các phương pháp hạch toán chi tiết.....	14
1.2.3. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại theo thông tư 200/2014/TT-BTC.....	18
1.2.3.1. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	18
1.2.3.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	24
1.2.4. Kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho.	27
1.2.4.1. Kiểm kê hàng tồn kho.....	27
1.2.4.2. Đánh giá lại giá trị hàng tồn kho.....	28
1.2.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	28
1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.	31

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	32
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	32
1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.....	33
1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	34
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI TNHH SƠN HẢI.	37
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Hải	37
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	37
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Sơn Hải.....	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Hải	39
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	39
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Hải.....	42
2.1.4.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Hải	42
2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Sơn Hải	44
2.2.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại Công ty.	44
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty.....	45
2.2.2.1. Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng tồn kho và phân công quản lý.....	45
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng	45
2.2.4.3. Thủ tục nhập – xuất kho	45
2.2.4.4. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty TNHH Sơn Hải.....	56
2.2.3. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải	61
2.4. Công tác tổ chức kiểm kê hàng hoá tại công ty TNHH Sơn Hải.	65
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH SƠN HẢI	67
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng tại Công ty TNHH Sơn Hải.....	67
3.1.1. Ưu điểm.....	67
3.1.2 Hạn chế.....	68
3.2.1 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải.....	69

3.2.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện	69
3.2.1.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán hàng hóa tồn kho	71
3.2.1.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tồn kho tại Công ty.....	72
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

LỜI MỞ ĐẦU

Hàng tồn kho là một bộ phận tài sản lưu động, hàng tồn kho biểu hiện vốn của doanh nghiệp chưa luân chuyển và chuẩn bị cho luân chuyển. Vì vậy, công tác kế toán hàng tồn kho có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt trong việc sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho giúp cho các doanh nghiệp theo dõi được chặt chẽ chỉ tiêu số lượng và giá trị nhập, xuất, tồn kho và thông qua đó đề ra những biện pháp giảm chi phí trong giá thành sản phẩm tăng lợi nhuận cho công ty, duy trì sự tồn tại, phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán hàng tồn kho đối với sự phát triển của doanh nghiệp, kết hợp giữa lý luận tiếp thu từ nhà trường và quá trình thực tập cùng sự hướng dẫn tận tình của Thạc sỹ **Hòa Thị Thanh Hương** em đã mạnh dạn chọn đề tài: “**Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Ngoài lời mở đầu và phần kết luận, khóa luận của em được chia làm ba chương như sau:

Chương 1: Lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải

Khóa luận của em được hoàn thành với sự giúp đỡ, quan tâm tận tình của giáo viên hướng dẫn – **ThS. Hòa Thị Thanh Hương**, cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của công ty. Mặc dù bản thân đã cố gắng rất nhiều, xong do hạn chế về mặt thời gian cũng như nhận thức và trình độ nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, em rất mong được tiếp thu những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô để có thể bổ sung, nâng cao trình độ cũng như kiến thức của mình để phục vụ cho công tác kế toán sau này.

**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI THEO
THÔNG TƯ 200/2014/TT-BTC**

1.1. Một số vấn đề chung về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.

1.1.1. Khái niệm về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.

- Hàng tồn kho (HTK) là toàn bộ số hàng mà doanh nghiệp đang nắm giữ với mục đích kinh doanh thương mại hoặc dự trữ cho việc sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ cho khách hàng.

- HTK trong doanh nghiệp thương mại (DNTM) bao gồm: hàng mua đi đường, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ phục vụ công tác bán hàng và quản lý doanh nghiệp, hàng hóa mua về để bán.

1.1.2. Đặc điểm hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.

✓ Thứ nhất, hàng tồn kho là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản lưu động của doanh nghiệp. Việc quản lý và sử dụng có hiệu quả hàng tồn kho có ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

✓ Thứ hai, hàng tồn kho trong doanh nghiệp được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, với chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho khác nhau. Xác định đúng, đủ các yếu tố chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho sẽ góp phần tính toán và hạch toán đúng, đủ, hợp lý giá gốc hàng tồn kho và chi phí hàng tồn kho làm cơ sở xác định lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

✓ Thứ ba, hàng tồn kho tham gia toàn bộ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các nghiệp vụ xảy ra thường xuyên với tần suất lớn, qua đó hàng tồn kho luôn biến đổi về mặt hình thái hiện vật và chuyển hoá thành những tài sản ngắn hạn khác như tiền tệ, sản phẩm dở dang hay thành phẩm,...

✓ Thứ tư, hàng tồn kho trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại khác nhau với đặc điểm về tính chất thương phẩm và điều kiện bảo quản khác nhau. Do vậy, hàng tồn kho thường được bảo quản, cất trữ ở nhiều địa điểm, có điều kiện tự nhiên hay nhân tạo không đồng nhất với nhiều người quản lý. Vì lẽ đó, dễ xảy

ra mất mát, công việc kiểm kê, quản lý, bảo quản và sử dụng hàng tồn kho gặp nhiều khó khăn, chi phí lớn.

✓ Thứ năm, việc xác định chất lượng, tình trạng và giá trị hàng tồn kho luôn là công việc khó khăn, phức tạp. Có rất nhiều loại hàng tồn kho rất khó phân loại và xác định giá trị như các tác phẩm nghệ thuật, các loại linh kiện điện tử, đồ cổ, kim khí quý,...

1.1.3. Vai trò của hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.

✓ Trong doanh nghiệp thương mại, hàng tồn kho là bộ phận của tài sản lưu động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần phải theo dõi, quản lý thường xuyên về số lượng, chất lượng. Vấn đề các doanh nghiệp thương mại quan tâm hàng đầu đó là lợi nhuận, do vậy chỉ một biến động nhỏ về giá cả của hàng tồn kho trên thị trường mà doanh nghiệp không nắm bắt kịp cùng với các nguyên nhân ảnh hưởng khách quan và chủ quan khác cũng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

✓ Kế toán hàng tồn kho là công cụ quan trọng và không thể thiếu quản lý hàng tồn kho của về hiện vật và giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất những mất mát hao hụt hàng tồn kho trong các khâu của quá trình kinh doanh từ đó làm tăng lợi nhuận công ty.

✓ Việc tập trung quản lý một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu, từ thu mua dự trữ đến tiêu thụ, trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, ..., là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, xác định vốn hàng bán, giá bán hàng hóa, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

1.1.4. Phân loại hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại.

Việc phân loại và xác định những gì thuộc hàng tồn kho của doanh nghiệp ảnh hưởng tới tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh. Các DNTM thường có hai loại chủ yếu là hàng hóa ở trong kho của doanh nghiệp là hàng hoá mua về để bán và hàng tồn kho ở khâu lưu thông (hàng gửi bán). Ngoài ra,

hàng tồn kho còn có thể là nguyên vật liệu hay công cụ dụng cụ phục vụ cho hoạt động bán hàng hay quản lý doanh nghiệp.

❖ *Hàng mua đi đường.*

Hàng mua đi đường là các loại hàng hóa mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, kho ngoại quan hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

❖ *Hàng hóa.*

Hàng hóa trong doanh nghiệp tại dưới hình thức vật chất, là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người, được hạch toán thông qua mua bán trên thị trường. Nói cách khác, hàng hóa doanh nghiệp là những hàng hóa vật tư... mà doanh nghiệp mua vào để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Trị giá hàng mua bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí thu mua hàng hóa như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua do hàng mua không đúng cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua hàng

Hàng hóa trong doanh nghiệp thường đa dạng và nhiều chủng loại khác nhau. Hàng hóa thường xuyên biến động trong quá trình kinh doanh nên cần phải theo dõi tình hình nhập - xuất- tồn trên các mặt số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

❖ *Hàng gửi đi bán*

Hàng gửi đi bán” trị giá của hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi cho khách hàng, gửi bán đại lý, ký gửi, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng theo hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán (chưa được tính là doanh thu bán hàng trong kỳ đối với số hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng).

1.1.5. Yêu cầu và nhiệm vụ cơ bản của kế toán hàng tồn kho.

❖ *Yêu cầu quản lý hàng tồn kho.*

HTK trong doanh nghiệp thường gồm nhiều loại, có vai trò, công dụng khác nhau. Do đó, các doanh nghiệp phải đảm bảo tổ chức quản lý hàng tồn kho một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu:

✓ Khâu thu mua, DN cần kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng thu mua hàng trên tất cả các mặt: số lượng, chất lượng, giá mua,... nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời vật tư hàng hoá cho quá trình sản xuất kinh doanh.

✓ Khâu bảo quản, DN phải tổ chức tốt hệ thống bến bãi, trang bị các phương tiện kĩ thuật, bảo đảm an toàn cho hàng, tránh bị mất mát, hư hỏng,... gây nên sự lãng phí.

✓ Khâu dự trữ, để có thể vừa đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho quá trình SX và tiêu dùng của xã hội, đồng thời vừa tránh được sự ứ đọng, DN cần thường xuyên tiến hành kiểm tra số tồn kho để có thể điều chỉnh lại kế hoạch cung ứng, thu mua.

✓ Khâu tiêu thụ, doanh nghiệp cần phải nâng cấp chất lượng sản phẩm, giữ uy tín, áp dụng các chiến lược marketing nhằm thu hút nhiều khách hàng, tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Tóm lại, quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, bảo quản, vận chuyển và dự trữ là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý hàng tồn kho ở doanh nghiệp.

❖ *Nhiệm vụ của kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.*

Kế toán HTK cần tổ chức đánh giá phù hợp với các nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của Nhà nước và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp, vì vậy kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán phù hợp với phương pháp HTK của doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán đúng với chế độ hiện hành, mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong phạm vi ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh số liệu về tình hình nhập - xuất - tồn hàng đầy đủ kịp thời, tính giá thực tế mua, nhập, xuất, tồn. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về mặt số lượng, chất lượng,...nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời cho quá trình tiêu thụ.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, phát hiện ngăn ngừa và có những biện pháp xử lý những hàng thừa, thiếu... Tính toán, xác định số lượng và giá trị hàng thực tế đã xuất kho để kịp thời k/c giá vốn, ghi nhận DTBH.

- Tham gia kiểm kê đánh giá hàng hóa theo chế độ Nhà nước quy định, lập các báo cáo phục vụ công tác quản lý và lãnh đạo.

- Cung cấp thông tin tổng hợp và chi tiết cần thiết về hàng tồn kho kịp thời, phục vụ cho quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại theo thông tư 200/2014/TT-BTC

1.2.1. Quy định chung về hạch toán hàng tồn kho.

1.2.1.1. Yêu cầu đánh giá hàng tồn kho

- Với các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại, việc quản lý số lượng và giá trị hàng tồn kho là một trong những trọng tâm hàng đầu. Nếu giá trị hàng tồn kho không được xác định chính xác thì sẽ dẫn đến việc xác định giá vốn hàng bán không phản ánh đúng thực tế và doanh nghiệp sẽ mất dần đi khả năng kiểm soát tình hình tài chính và kinh doanh.

- Khi đánh giá hàng tồn kho đòi hỏi việc tính giá hàng hóa phải được tiến hành dựa trên cơ sở tổng hợp đầy đủ đúng đắn và hợp lý các chi phí thực tế cấu thành nên giá trị vốn của hàng hóa và loại trừ các chi phí bất hợp lý, các chi phí đã thu hồi (nếu có), giảm thiểu chi phí kém hiệu quả.

- Nội dung phương pháp tính giữa các niên độ kế toán của một đơn vị phải thống nhất, nếu có bất kỳ thay đổi nào phải giải trình trên thuyết minh bản báo cáo tài chính. Cách tập hợp chi phí, cách tính toán phân bổ, tiêu thức phân bổ chung để xác định chỉ tiêu về trị giá hàng mua nhập kho và trị giá xuất kho

giữa các kỳ hạch toán phải quán tránh ảnh hưởng của trị giá hàng nhập kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.1.2. Xác định giá trị nhập - xuất hàng tồn kho.

Việc tính giá hàng tồn kho sẽ tạo điều kiện cho kế toán tính toán chính xác và ghi chép kịp thời trị giá của hàng nhập kho, do đó sẽ cung cấp cho các nhà quản lý những thông tin đầy đủ, kịp thời, góp phần quản lý hoạt động thu mua, sản xuất hàng tồn kho có hiệu quả. Thông qua tính giá HTK giúp kế toán ghi nhận, xử lý và cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác về sự biến động, sử dụng hàng của doanh nghiệp, đồng thời chi tiết theo từng chủng loại, ... làm cơ sở cho việc quản lý dự trữ, sản xuất HTK.

Hơn nữa, việc tính giá HTK giúp cho kế toán tính toán được trị giá vốn của HTK, kết hợp với việc ghi nhận doanh thu hàng bán, kế toán sẽ xác định được kết quả tiêu thụ sản phẩm và kết quả kinh doanh, phân tích hiệu quả kinh doanh của DN giúp cho việc quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

❖ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên tắc giá gốc:

Theo chuẩn mực 02 HTK thì HTK phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của HTK là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được các ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc HTK bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có được hàng tồn kho ở địa điểm hiện tại.

- Nguyên tắc thận trọng:

✓ HTK được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

✓ Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh trừ (-) đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

✓ Thực hiện nguyên tắc thận trọng bằng cách trích lập dự phòng giảm giá HTK, kế toán đã ghi sổ theo giá gốc và phản ánh khoản dự phòng giảm giá HTK.

- Nguyên tắc nhất quán:

Các phương pháp kế toán sử dụng trong đánh giá hàng tồn kho phải đảm bảo tính nhất quán. Kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, đồng thời phải giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi đó.

❖ *Xác định trị giá thực tế hàng nhập kho*

Tính giá hàng tồn kho là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán hàng tồn kho. Tính giá hàng tồn kho là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của hàng tồn kho theo những nguyên tắc nhất định. Áp dụng theo chuẩn mực kế toán số 02 hàng tồn kho (Ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) thì hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được”. Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán hàng hóa ở các doanh nghiệp, hàng tồn kho được tính theo giá thực tế.

Hàng tồn kho nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của hàng hóa nhập kho được xác định khác nhau.

(i). Đối với hàng hóa mua ngoài

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị hàng hóa thực tế nhập} \\ \text{hàng} \\ \text{hóa thực} \\ \text{tế nhập} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản thuế không hoàn lại} \\ \text{khoản thuế} \\ \text{không được} \\ \text{hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{CKTM, giảm giá hàng mua} \\ \text{CKTM,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

+ **Giá mua ghi trên hóa đơn:** số tiền mà doanh phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn phụ thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể:

- Giá mua ghi trên hóa đơn: là giá chưa có VAT nếu doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ.

- Giá mua ghi trên hóa đơn: là giá có VAT nếu doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp.

+ **Chi phí thu mua hàng hóa:** Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép.

+ **Các khoản thuế không hoàn lại:** thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt

+ **Chiết khấu thương mại:** số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận.

+ **Giảm giá hàng mua:** số tiền người bán giảm trừ cho người mua hàng do hàng kém phẩm chất, sai quy cách...

(ii). Đối với hàng hóa tự chế biến

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị hàng hóa thực tế nhập} \\ \text{hàng} \\ \text{hóa thực} \\ \text{tế nhập} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế của hàng hóa thuê ngoài gia công chế biến} \\ \text{Giá thực} \\ \text{tế của hàng} \\ \text{hóa thuê} \\ \text{ngoài gia} \\ \text{công chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thuê ngoài gia công chế biến} \\ \text{Chi phí} \\ \text{thuê} \\ \text{ngoài gia} \\ \text{công} \\ \text{chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận chuyển (nếu có)} \\ \text{Chi phí} \\ \text{vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

(iii). Đối với hàng hóa nhận góp vốn liên doanh, cổ phần

$$\begin{array}{r} \text{Giá trị hàng hóa thực tế nhập} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{thực} \\ \text{tế nhập} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị vốn góp hội đồng đánh giá} \\ \text{Giá trị} \\ \text{vốn góp} \\ \text{hội đồng} \\ \text{đánh giá} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí liên quan đến tiếp nhận} \\ \text{Chi phí} \\ \text{liên} \\ \text{quan} \\ \text{đến} \\ \text{tiếp} \\ \text{nhận} \end{array}$$

(iii). Đối với hàng hóa được biếu tặng

Trị giá nhập kho là giá thực tế xác định theo thời giá trên thị trường.

❖ Tính giá xuất kho hàng tồn kho

Theo chế độ hiện hành, doanh nghiệp đánh giá theo giá thực tế, hàng ngày kế toán dùng giá thực tế để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ nhập, xuất hàng tồn kho. Doanh nghiệp lựa chọn áp dụng một trong các phương pháp sau: Phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO), phương pháp đích danh, phương pháp giá bán lẻ.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền:**- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:**

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của DN.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập kho trong kỳ}}$$

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

- *Ưu điểm:* Đơn giản khối lượng tính toán ít chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ.

- *Nhược điểm:* Độ chính xác không cao, công tác kế toán dồn vào cuối kỳ, làm ảnh hưởng đến tiến độ của các phần khác. Chưa đáp ứng được thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Điều kiện áp dụng:* Có thể áp dụng được cho tất cả các loại hình doanh nghiệp.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:* Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị

bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa 2 lần nhập kế tiếp để tính giá xuất:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Ưu điểm:* Khắc phục được những hạn chế của phương pháp bình quân cả kì dự trữ

- *Nhược điểm:* việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức.

- *Điều kiện áp dụng:* do đặc điểm trên phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất giá ít, giá hàng hóa ít biến động.

➤ **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được nhập trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ *Ưu điểm:* ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu HTK trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+ *Nhược điểm:* làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

+ *Điều kiện áp dụng:* phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp mà có số lần nhập xuất ít, chủng loại hàng tồn kho ít.

➤ **Phương pháp đích danh**

Theo phương pháp này, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ứng đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ *Ưu điểm*: phương pháp đơn giản, dễ tính toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng hóa được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ *Nhược điểm*: không phù hợp với doanh nghiệp có nhiều loại hàng.

+ *Điều kiện áp dụng*: phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp mà giá trị hàng tồn kho lớn, mặt hàng ổn định và mang tính chất đơn chiếc có thể theo dõi riêng và nhận diện từng lô hàng.

➤ **Phương pháp giá bán lẻ**

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200/2014/TT-BTC. Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự). Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán ra của hàng hóa. Sau đó, căn cứ doanh số

bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho của kỳ đó.

1.2.1.3. Xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ.

- HTK cuối kỳ phải được đánh giá theo giá trị thấp nhất giữa giá phí và giá thị trường hiện tại: Trong điều kiện có lạm phát, giá trị HTK phải được báo cáo theo giá phí; Trong điều kiện ngược lại, giá trị HTK phải được báo cáo theo giá thị trường.

- HTK cuối kỳ phải được đánh giá theo giá trị thấp nhất giữa giá phí và giá thị trường hiện tại có ý nghĩa tuân thủ được nguyên tắc thận trọng và nguyên tắc phù hợp.

- Nguyên tắc xác định giá thị trường: *giá thị trường hiện tại* được hiểu như là giá phí để thay thế một loại HTK tương ứng tại thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, giá thị trường không được vượt quá *giá trị hiện tại thuần* của hàng tồn kho - được định nghĩa như giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ đi chi phí hợp lý để hoàn tất và đem bán. *Giá thị trường* không được thấp hơn giá trị thuần trừ đi khoản *lợi nhuận trung bình* tính theo giá bán.

Đối với hàng mua vào bằng ngoại tệ phải căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do nhân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam để ghi giá trị hàng tồn kho đã nhập kho.

Đến cuối niên độ kế toán, nếu xét thấy giá trị hàng tồn kho không thu hồi do bị hư hỏng, lỗi thời,... thì phải ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Việc này được thực hiện bằng cách lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá HTK được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

1.2.2. Kế toán chi tiết hàng tồn kho.

Kế toán chi tiết hàng tồn kho là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập - xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hàng tồn kho hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm hàng tồn kho về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho phù hợp để tăng cường quản lý hàng tồn kho. Muốn vậy giữa kho và phòng kế toán cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau để sử dụng chứng từ kế toán nhập xuất hàng tồn kho một cách hợp lý trong việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho, ghi chép vào sổ kế toán chi tiết của kế toán, nhằm đảm bảo sự phù hợp số liệu giữa thẻ kho và sổ kế toán, tránh sự ghi chép trùng lặp không cần thiết.

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập xuất hàng tồn kho đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ:

- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu nhập kho
- + Biên bản kiểm kê hàng hóa
- + Hóa đơn GTGT
- + Hóa đơn bán hàng
- + Hóa đơn cước phí vận chuyển
- + Phiếu xuất kho theo hạn mức
- + Biên bản kiểm nghiệm
- + Phiếu báo cáo hàng hóa còn lại cuối kỳ kế toán

1.2.2.2. Các phương pháp hạch toán chi tiết.

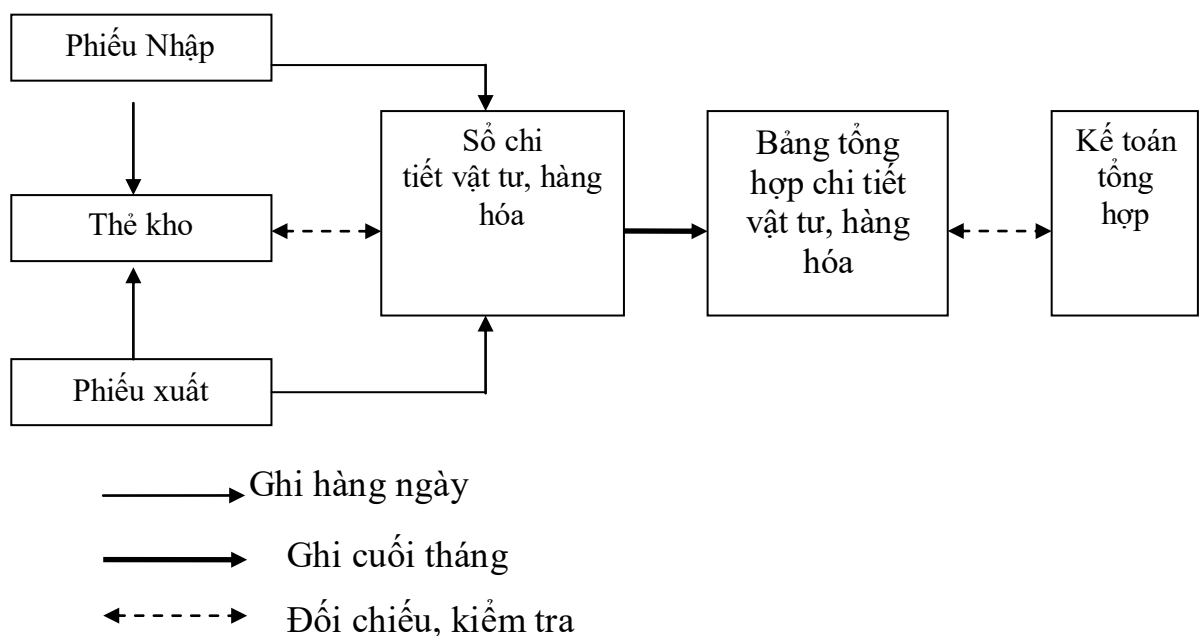
a, Phương pháp thẻ song song.

+ **Ở kho:** Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư, hàng hóa ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải

thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật tư, hàng hóa thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

+ **Ở phòng kế toán:** Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng danh điểm vật tư, hàng hóa tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán vật tư, hàng hóa phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp hàng hóa.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song

- *Ưu điểm:* tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép của kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng.

- *Nhược điểm:* Do kế toán chỉ ghi theo mặt giá trị nên muốn biết được số hiện có và tình hình tăng giảm về mặt hiện vật nhiều khi phải xem sổ của thủ

kho, mất nhiều thời gian. Việc kiểm tra phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán gặp nhiều khó khăn.

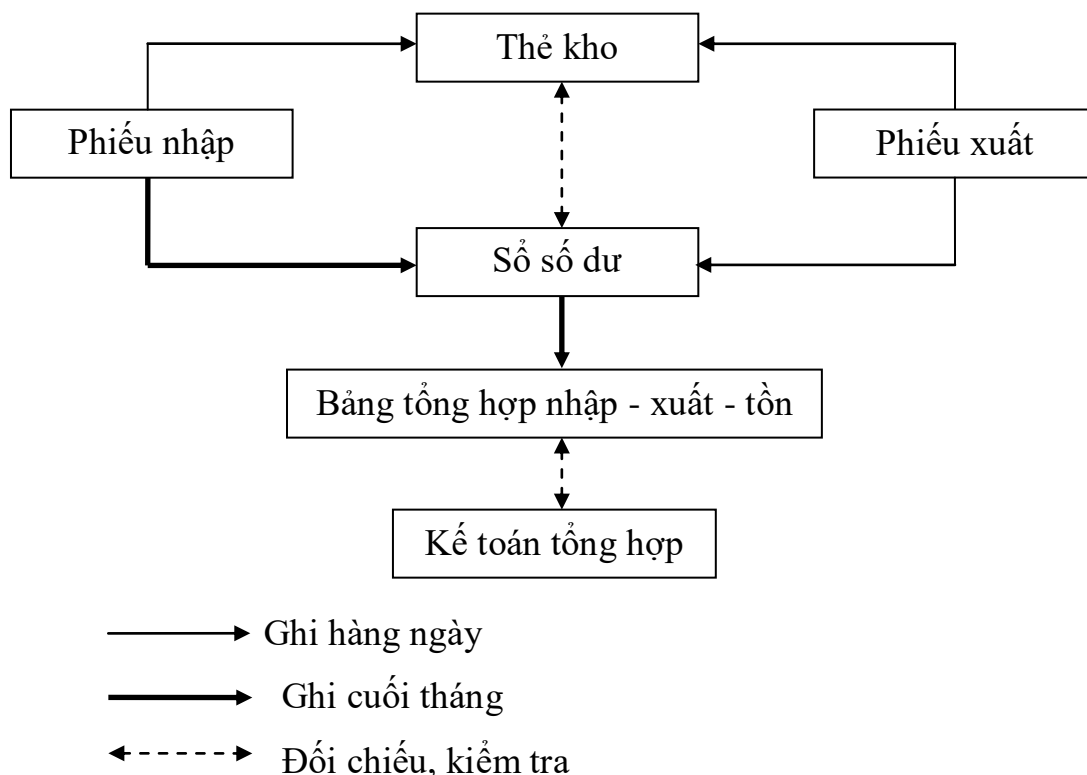
- *Điều kiện áp dụng*: Thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ ghi chép nhập xuất nhiều, thường xuyên, trình độ của kế toán đã vững vàng.

b, Phương pháp sổ số dư

- Tại kho: Thủ kho theo dõi tình hình nhập xuất HTK theo chỉ tiêu hiện vật.

- Tại phòng kế toán: Kế toán vào thẻ kho và lập sổ số dư từ phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Cuối tháng lập bảng tổng hợp nhập- xuất - tồn. Khi nhập được sổ số dư do thủ kho gửi đến kế toán phải tính và ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Cuối tháng kế toán đối chiếu giữa sổ số dư với thẻ kho và kế toán tổng hợp.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:



Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ số dư

+ *Ưu điểm*: trong điều kiện thực tế kế toán bằng phương pháp thủ công thì phương pháp sổ số dư được coi là hữu hiệu: hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản

lý được vật tư, hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng đảm bảo cung cấp số liệu được chính xác và kịp thời, nâng cao trình độ kế toán.

+ *Nhược điểm*: không theo dõi được chi tiết đến từng loại hàng hóa, phải căn cứ vào thẻ kho mới có được số liệu về tình hình nhập – xuất – tồn của từng loại vật tư, hàng hóa.

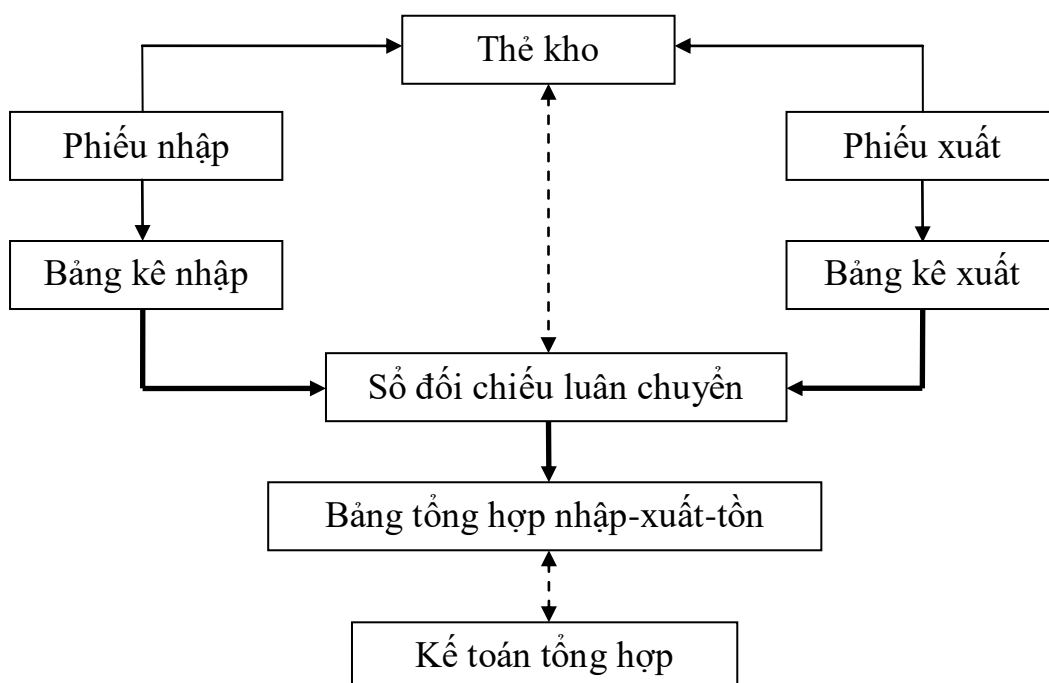
+ *Điều kiện áp dụng*: thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên, doanh nghiệp xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống danh điểm hàng hóa hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

c, Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- **Tại kho**: thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại vật tư, hàng hóa về mặt số lượng.

- **Tại phòng kế toán**: để theo dõi từng loại vật tư, hàng hóa nhập xuất về số lượng và giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Đặc điểm ghi chép là chỉ ghi chép một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập xuất trong tháng. Cuối tháng kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và kế toán tổng hợp.

- Quy trình luân chuyển chứng từ:



- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết HTK theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

+ *Ưu điểm*: phương pháp này đơn giản, dễ thực hiện so khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt vì chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

+ *Nhược điểm*: Có sự trùng lặp về chỉ tiêu số lượng giữa ghi chép của thủ kho và kế toán. Khối lượng ghi chép của kế toán dồn vào cuối tháng quá nhiều nên ảnh hưởng tới tính kịp thời của việc cung cấp thông tin kế toán cho các đối tượng khác nhau.

+ *Điều kiện áp dụng*: thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho hàng ngày. Phương pháp này thường ít được sử dụng trong thực tế.

1.2.3. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

1.2.3.1. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ *Đặc điểm của phương pháp*

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa trên các tài khoản kế toán. Khi doanh nghiệp áp dụng việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì các tài khoản kế toán hàng tồn kho được phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm giá hàng hóa. Do vậy, giá trị hàng hóa tồn kho trên sổ sách kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Công thức tính trị giá hàng tồn kho:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn kho cuối} & & \text{tồn kho đầu} & & \text{hóa nhập} & & \text{hàng} \\ \text{kỳ} & = & \text{kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{xuất bán} \\ & & & & & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Tuy hạch toán phức tạp, tốn thời gian và phải ghi chép nhiều nhưng phương pháp này cung cấp thông tin về hàng hoá một cách kịp thời.

a) Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTK3/001)
- Biên bản kiểm nghiệm hàng hoá.

b, Tài khoản sử dụng

(i). TK 151 : Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, kho ngoại quan hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151 - Hàng mua đang đi đường Bên Nợ:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường;
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp).

(ii). TK 156 : Hàng hóa

Tài khoản 156 – Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

Kết cấu tài khoản 156

Bên nợ TK 156:

- Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại)
- Chi phí thu mua hàng hóa
- Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công (Gồm giá mua vào và chi phí gia công)
- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê
- Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

Bên Có TK 156:

- Trị giá hàng hóa xuất kho để bán, để giao đại lý, giao cho đơn vị phụ thuộc thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất kinh doanh
- Chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng
- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán
- Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê
- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)
- Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài sản cố định.

Số dư bên Nợ

- Trị giá mua vào của hàng hóa tồn kho
- Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho

(iii). TK 157 : Hàng gửi bán

Hàng gửi đi bán phản ánh trên tài khoản 157 được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong Chuẩn mực kế toán Hàng tồn kho. Chỉ phản ánh vào tài khoản 157 “Hàng gửi đi bán” trị giá của hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi cho

khách hàng, gửi bán đại lý, ký gửi, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng theo hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán (chưa được tính là doanh thu bán hàng trong kỳ đối với số hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng).

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 157 - Hàng gửi đi bán

Bên Nợ:

- Trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng, hoặc gửi bán đại lý, ký gửi; gửi cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc;
- Trị giá dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán;
- Cuối kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán chưa được xác định là đã bán cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

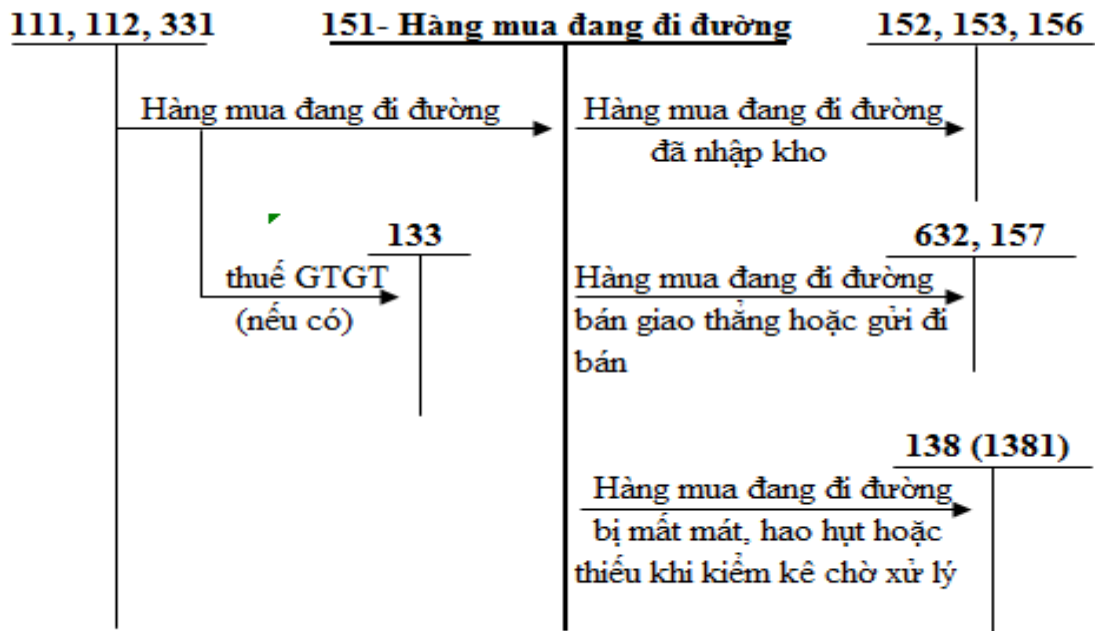
- Trị giá hàng hóa, thành phẩm gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán;
- Trị giá hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã gửi đi bị khách hàng trả lại;
- Đầu kỳ kết chuyển trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

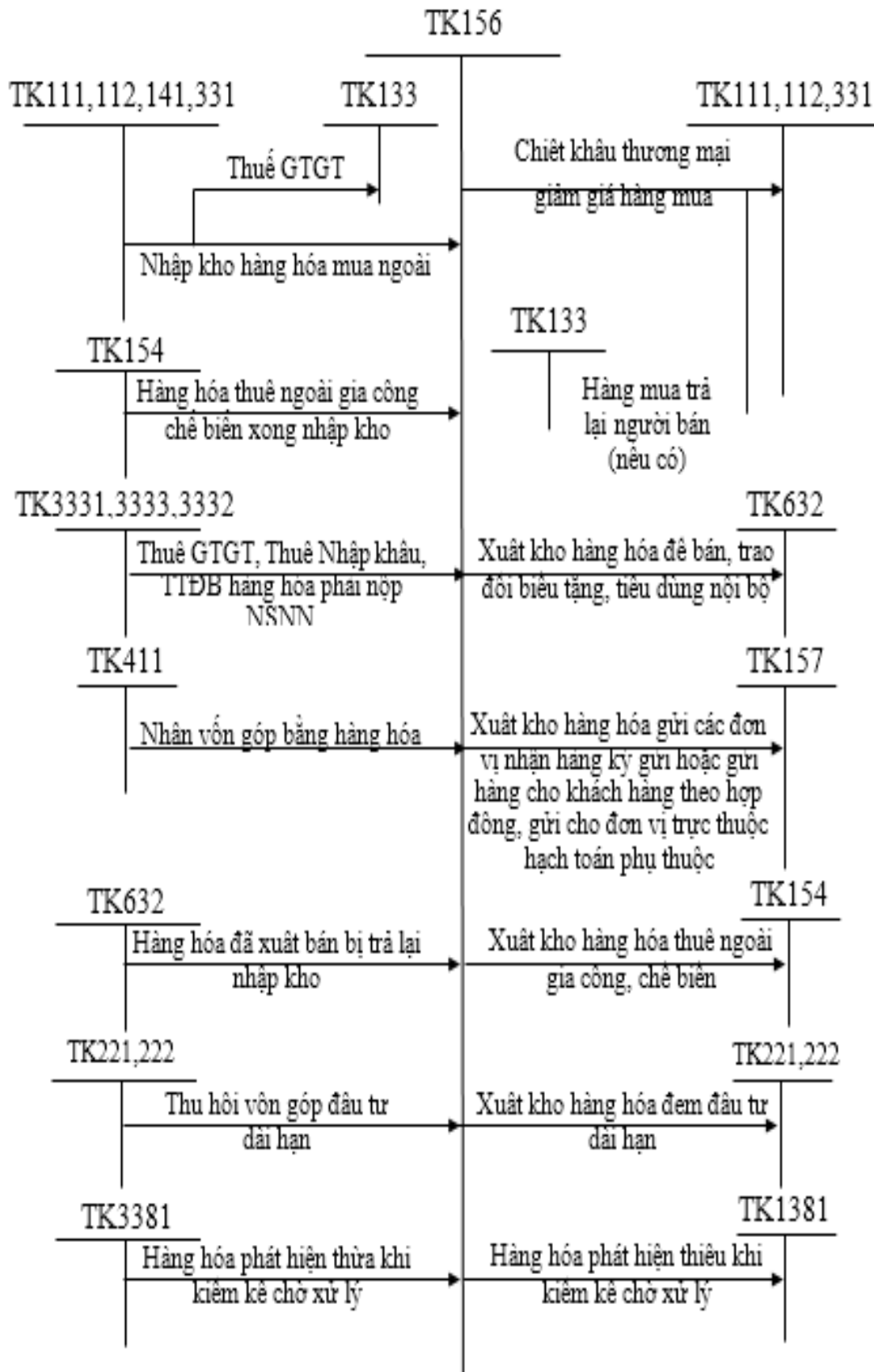
Trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp chưa được xác định là đã bán trong kỳ.

c, Trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

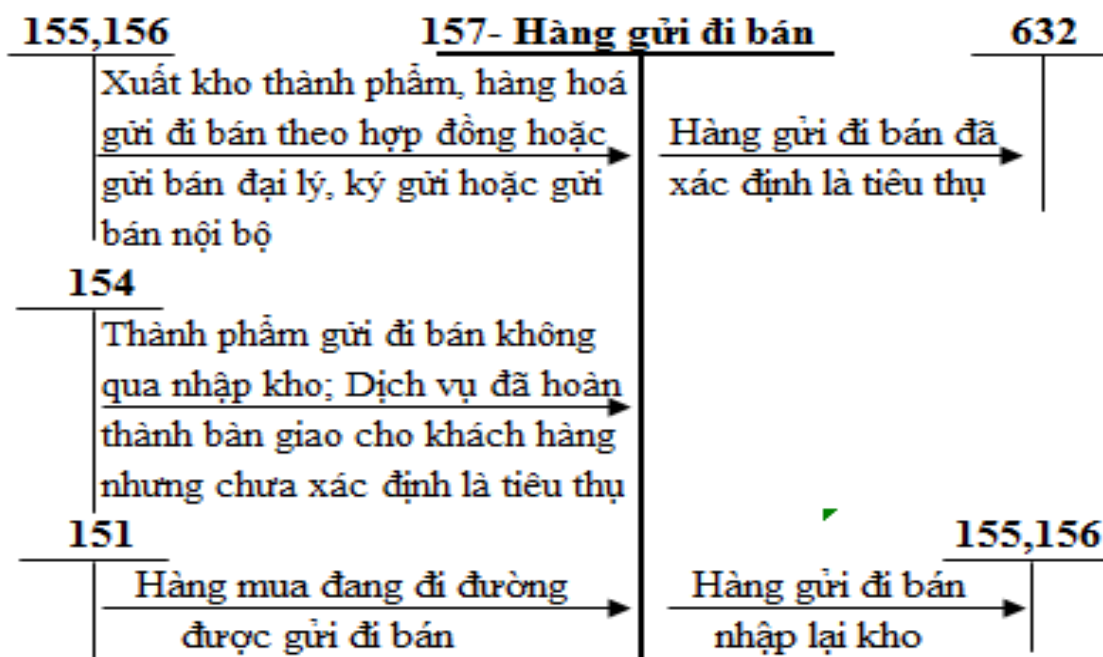
Để hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán hạch toán theo các sơ đồ sau: Sơ đồ 1.4, Sơ đồ 1.5, Sơ đồ 1.6.



Sơ đồ 1.4: Kế toán hàng mua đi đường theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.5: Kế toán hàng hóa theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.6: Kế toán hàng gửi đi bán theo phương pháp KCTX

1.2.3.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán và căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối cùng của kế toán trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính lại giá của hàng đã xuất trong kỳ.

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ mọi biến động của hàng tồn kho nói chung (hàng hóa nói riêng) không theo dõi, phản ánh trên các tài kế toán khoản hàng tồn kho. Trị giá của hàng hóa mua và nhập trong kỳ được theo dõi và phản ánh trên tài khoản 611 - Mua hàng

Khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, tình hình nhập – xuất liên tục, thường xuyên.

Phương pháp này đơn giản, giảm nhẹ được khối lượng ghi chép kế toán nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất kho bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho quây, bến bãi.

Giá trị hàng hóa xuất bán trong kì	-	Giá trị hàng hóa tồn kho đầu kỳ	+	Tổng giá trị hàng hóa nhập trong kỳ	-	Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ
---	---	--	---	--	---	---

a, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 – mua hàng: Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

Nguyên tắc hạch toán quá trình luân chuyển trên TK 611- mua hàng được quy định:

+ Hàng hóa mua nhập kho vào theo các mục đích nhập đều căn cứ vào chứng từ đề ghi cập nhật vào TK 611

+ Hàng xuất cho các mục đích được ghi một lần vào ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê đánh giá hàng tồn (tồn kho, tồn quây, tồn đại lý, tồn gửi bán)

+ Hàng tồn kiểm kê sẽ được trị giá theo phương pháp thích hợp được lựa chọn áp dụng tại đơn vị hạch toán trên cơ sở quy định chung.

Kết cấu, nội dung phản ánh trên TK 611- Mua hàng:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn thực tế hàng hóa nhập mua và nhập khác trong kì
- Trị giá vốn hàng hóa tồn đầu kỳ kết chuyển (tồn kho, tồn quây, tồn gửi bán cho khách hàng, tồn đơn vị bán, đại lý ký gửi...)

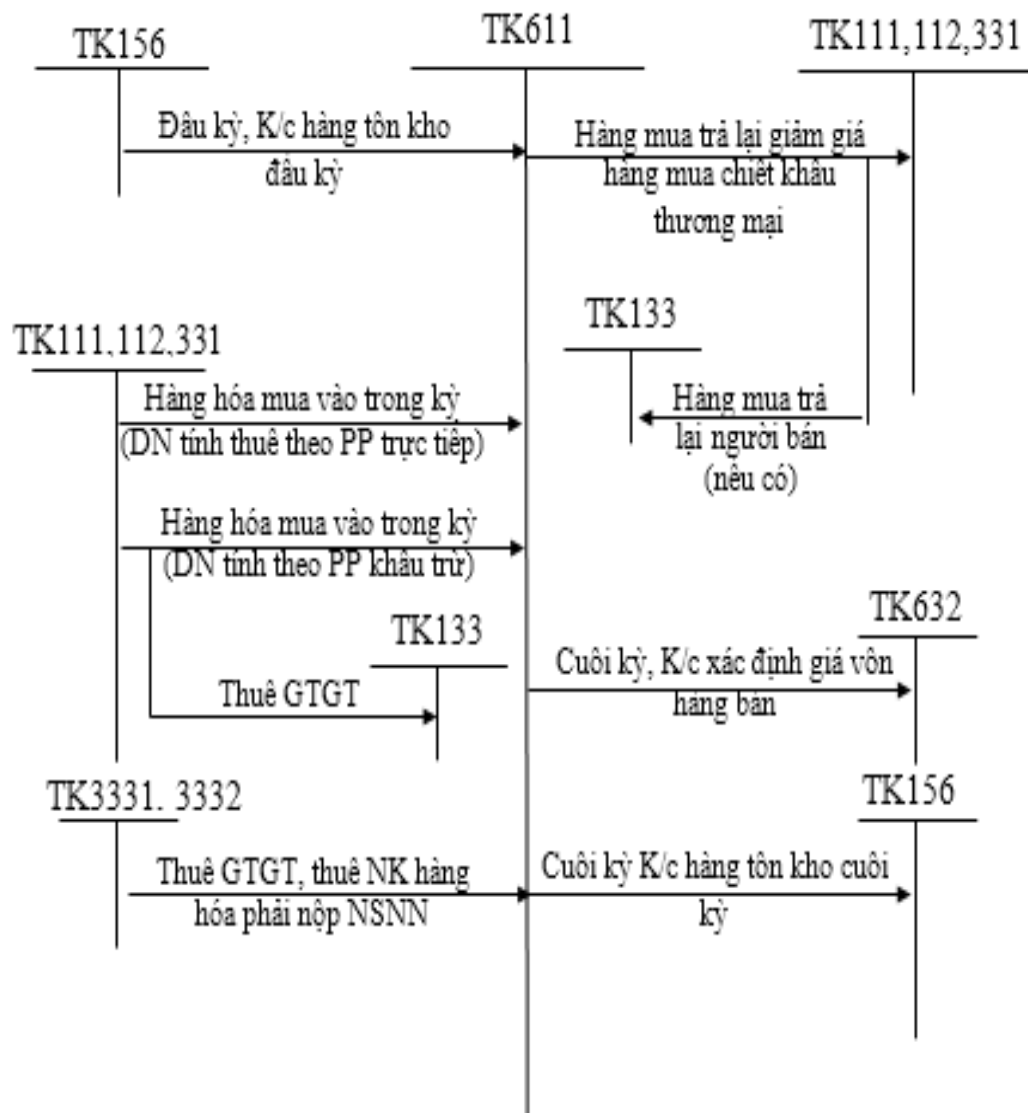
Bên Có:

- Trị giá vốn của hàng hóa tồn cuối kỳ.
- Giảm giá hàng hóa mua và chiết khấu thương mại được hưởng
- Trị giá vốn thực tế của số hàng hóa xuất bán trong kỳ.(Ghi ngày cuối kỳ theo kết quả kiểm kê).

TK này cuối kỳ không có số dư

b, Trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK

Để hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kì kế toán hạch toán theo các sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.7)



Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng hóa, hàng gửi đi bán theo phương pháp KKĐK

1.2.4. Kiểm kê và đánh giá lại hàng tồn kho.

1.2.4.1. Kiểm kê hàng tồn kho

Trong mỗi doanh nghiệp, kiểm kê hàng tồn kho là việc tiến hành kiểm tra trực tiếp tại chỗ hiện có tại thời điểm tiến hành kiểm kê thông qua việc cân, đong, đo, đếm. Công việc kiểm kê được thực hiện bởi ban kiểm kê của doanh nghiệp với sự giám sát và tham gia của phòng kế toán.

Mục đích của việc kiểm kê là nhằm đối chiếu số hàng tồn kho hiện có tại kho với số dư trên sổ sách kế toán, xác định số thừa, thiếu. Cũng qua đó kiểm tra chất lượng của hàng tồn kho, kiểm tra việc tôn trọng dự trữ tồn kho để quản lý chặt chẽ có hiệu quả hàng tồn kho, tránh tham ô, lãng phí, mất mát và đảm bảo tính thực tế của số liệu báo cáo về hàng tồn kho. Có biện pháp xử lý kịp thời những hiện tượng tiêu cực.

Khi kiểm kê phát hiện hàng tồn kho thừa, thiếu, mất, hư hỏng kế toán phải căn cứ vào nguyên nhân hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để xử lý.

Phương pháp hạch toán khi kiểm kê.

(1). Trường hợp phát hiện thừa:

- Chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý ghi:

Nợ TK 156 : Hàng hóa

Có TK 338 (3381, 3388); Phải trả, phải nộp khác

- Khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, kế toán căn cứ vào quyết định xử lý:

Nợ TK 338 (3381): Phải trả, phải nộp khác

Có TK 411: Nguồn vốn kinh doanh

Có TK 441: Nguồn vốn đầu tư XDCB

Có TK 338(3388): Phải trả, phải nộp khác

(2). Trường hợp phát hiện thiếu:

- Nếu giá trị hàng hóa hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Có TK 156: hàng hóa.

- Nếu thiếu hụt chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý

Nợ TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý

Có TK156: Hàng hóa

- Thiếu hụt đã xác định được nguyên nhân, căn cứ và quyết định

ghi: Nợ TK 111: Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK1388: Phải thu khác

Nợ TK 334: Phải trả người lao động (Trừ vào lương của người phạm lỗi)

Nợ TK 632: GVHB (Phần thiếu hụt, hư hỏng còn lại phải tính vào GVHB)

Có TK 138: Phải thu khác (1381)

1.2.4.2. Đánh giá lại giá trị hàng tồn kho

Đánh giá lại hàng tồn kho nhằm xác định giá trị phù hợp của hàng tồn kho tại thời điểm đánh giá lại. Đánh giá lại thường được thực hiện:

- Khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản.
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.
- Khi chuyển đổi hình thức sở hữu DN,...
- Khi đánh giá lại hàng tồn kho doanh nghiệp phải thành lập hội đồng hoặc ban đánh giá lại:

Phương pháp hạch toán

(1) Nếu đánh giá lại nhỏ hơn trị giá đã ghi sổ kế toán, phần chênh lệch giảm:

Nợ TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Có TK 156: Hàng hóa.

(2) Nếu đánh giá lại lớn hơn trị giá đã ghi sổ kế toán, phần chênh lệch tăng kế toán ghi:

Nợ TK 156: Hàng hóa

Có TK 412: Chênh lệch đánh giá lại tài sản

1.2.5. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm nay phần giá trị có khả năng bị giảm xuống thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp đề phòng những thiệt hại có thể xảy đến trong tương lai gần do hàng tồn kho bị

hư hỏng, lỗi thời, hàng bán bị trả lại,... Đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập bảng cân đối kế toán cuối năm.

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng} \\ \text{hóa thực tế} \\ \text{tồn kho tại} \\ \text{thời điểm} \\ \text{lập báo cáo} \\ \text{tài chính} \end{array} \times \left[\begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn kho sẽ} \\ \text{theo sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{thuần có} \\ \text{thể thực} \\ \text{hiện được} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right]$$

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính.

Giá trị thuần của hàng hóa được xác định trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp là giá điều chỉnh giữa giá trị hàng tồn kho thực tế, trên sổ kế toán và giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ hạch toán.

Cuối năm, kế toán tiếp theo phải thực hiện đánh giá mới về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối năm đó. Trường hợp cuối kỳ kế toán năm nay, nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập thấp hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập để ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm và để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá gốc (nếu giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối năm trước thì phải trích thêm cho đủ số cần phải có để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Theo TT 200/2014/QĐ-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK

2294 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tài khoản này được sử dụng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần để thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

❖ *Tài khoản và chứng từ sử dụng*

+ Tài khoản 229.4: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có:

- Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

+ *Chứng từ sử dụng*

- Hoá đơn chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.

- Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.

- Bảng tổng hợp mức lập dự phòng

- Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.

❖ *Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

a) Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229.4- Dự phòng tổn thất tài sản

b, Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo

-Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

-Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229.4-Dự phòng giảm giá HTK (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK156.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 229.4 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 411 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1.3. Các hình thức ghi sổ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại.

Theo thông tư 200/2014/TT- BTC có 5 hình thức kế toán:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy

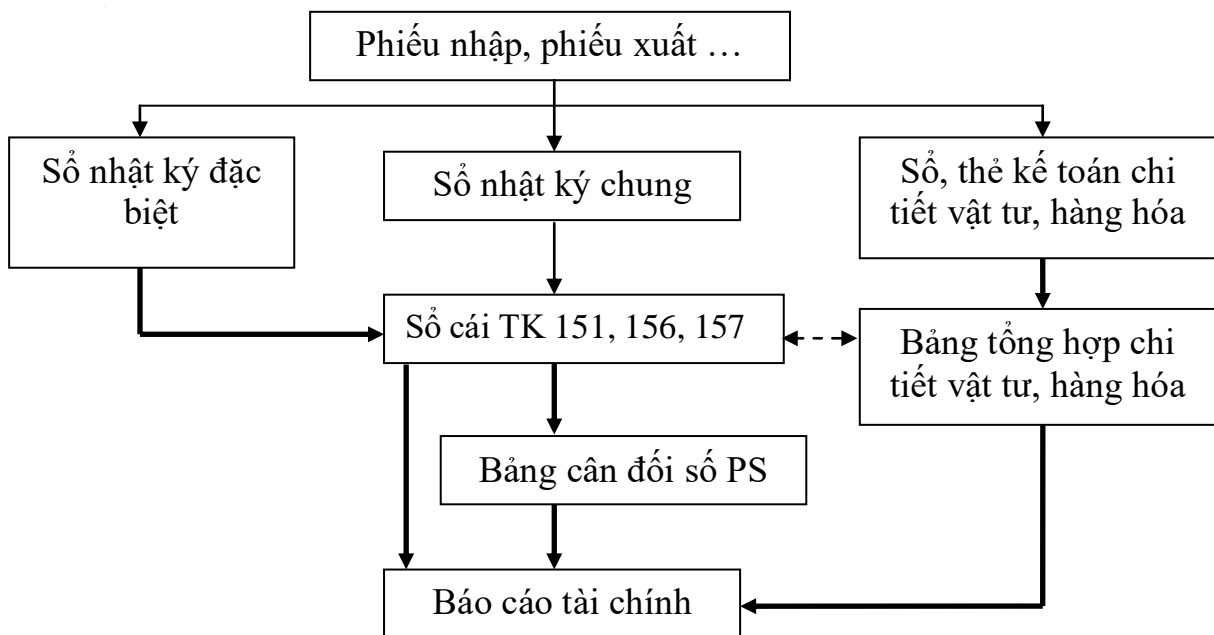
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức này là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi chép vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán các nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các loại sổ kế toán chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ nhật ký đặc biệt.

Sổ cái, các sổ thẻ chi tiết...



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký chung

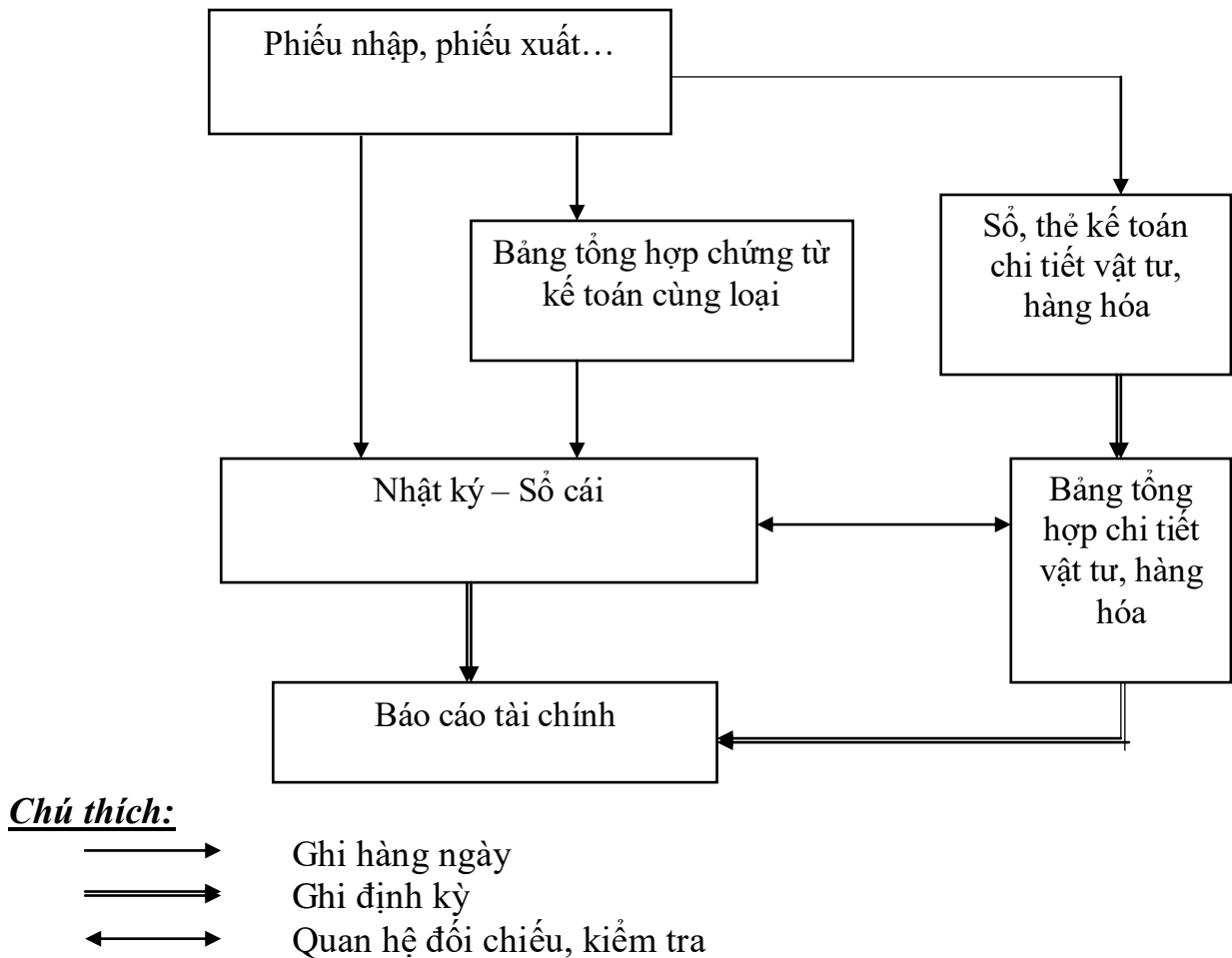
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Đặc trưng cơ bản là các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trật tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh vào một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký – sổ cái. Tách biệt việc ghi chép kế toán tổng hợp với việc ghi chép kế toán chi tiết vào hai loại sổ khác nhau là sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

Không cần lập bảng cân đối tài khoản cuối kỳ vì kế toán có thể kiểm tra tính chính xác của việc ghi sổ cái ở dòng cộng cuối kỳ của Nhật ký – sổ cái.

Các sổ sử dụng:

- Sổ Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

1.3.3. Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

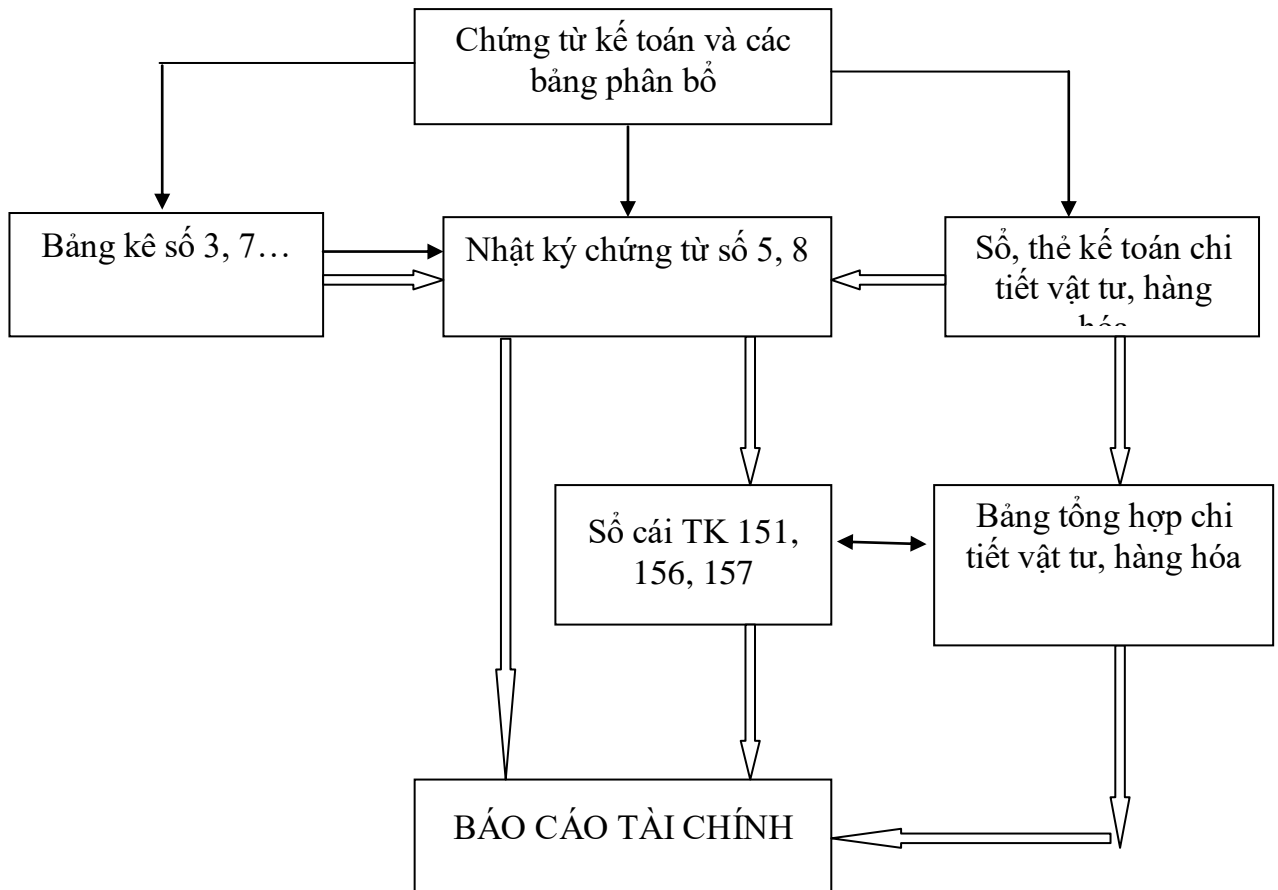
Đặc trưng cơ bản của Nhật ký chứng từ là sổ kế toán tổng hợp dùng để phản ánh toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên “Có” của mỗi tài khoản chỉ tập trung phản ánh trên Nhật ký – chứng từ và từ Nhật ký – chứng từ phải ghi vào sổ cái một lần cuối tháng.

Các loại sổ sử dụng:

- Các Nhật ký chứng từ, bảng kê.

- Các sổ, thẻ chi tiết tài khoản.
- Các sổ cái...

Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối kỳ \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

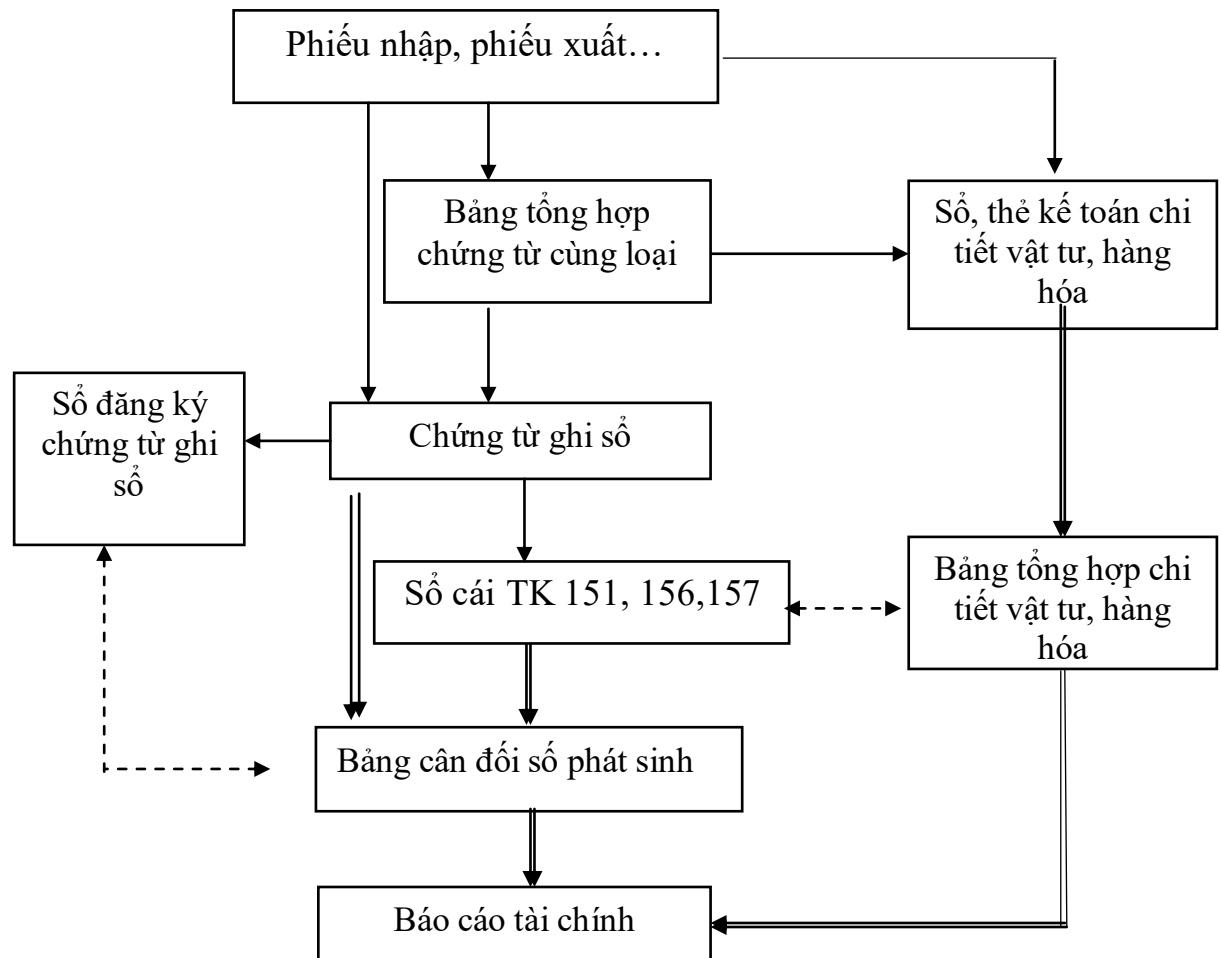
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký chứng từ

1.3.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán bao gồm: Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ gốc đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Các loại sổ sử dụng:

- Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết,...

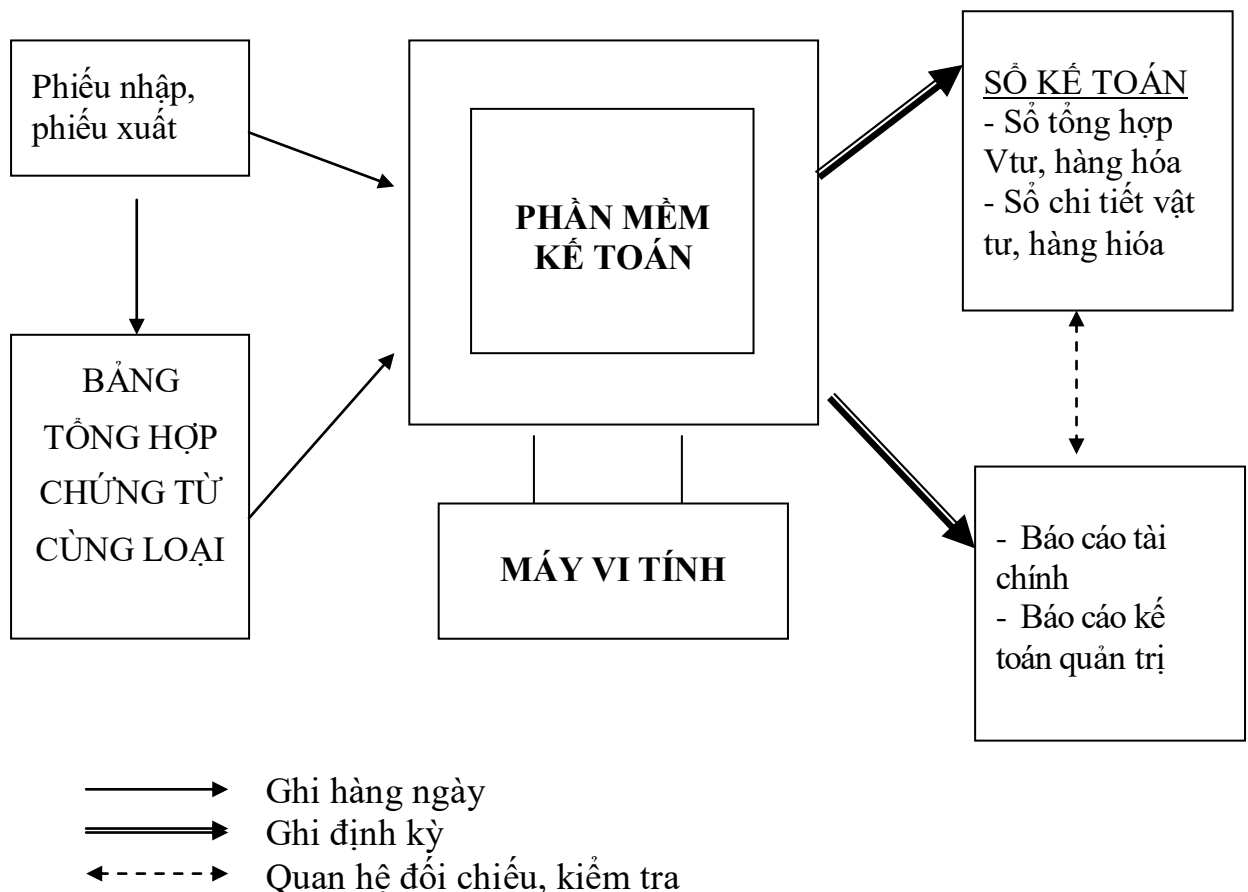
**Chú thích:**

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Chứng từ ghi sổ**1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định

Các loại sổ sử dụng: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay



Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI TNHH SƠN HẢI.

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Sơn Hải

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty TNHH Sơn Hải được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2007 và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/2007. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0200278482 được cấp ngày 21/06/2010. Trong quá trình phát triển không ngừng của thị trường, công ty TNHH Sơn Hải hoạt động theo phương châm nếu không tự mình tạo lập nên nền tảng vững chắc cho chính mình sẽ tự đào thải và không thể tồn tại trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, giá cả hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng doanh nghiệp ngày càng chiếm được thị phần trong thị trường Hải Phòng. Những sản phẩm của công ty đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và ngày càng mở rộng thị trường sang các địa bàn lân cận như An Dương, An Lão, Tiên Lãng, v.v...

Hiện nay công ty đang hoạt động chủ yếu về lĩnh vực: kinh doanh vật liệu xây dựng.

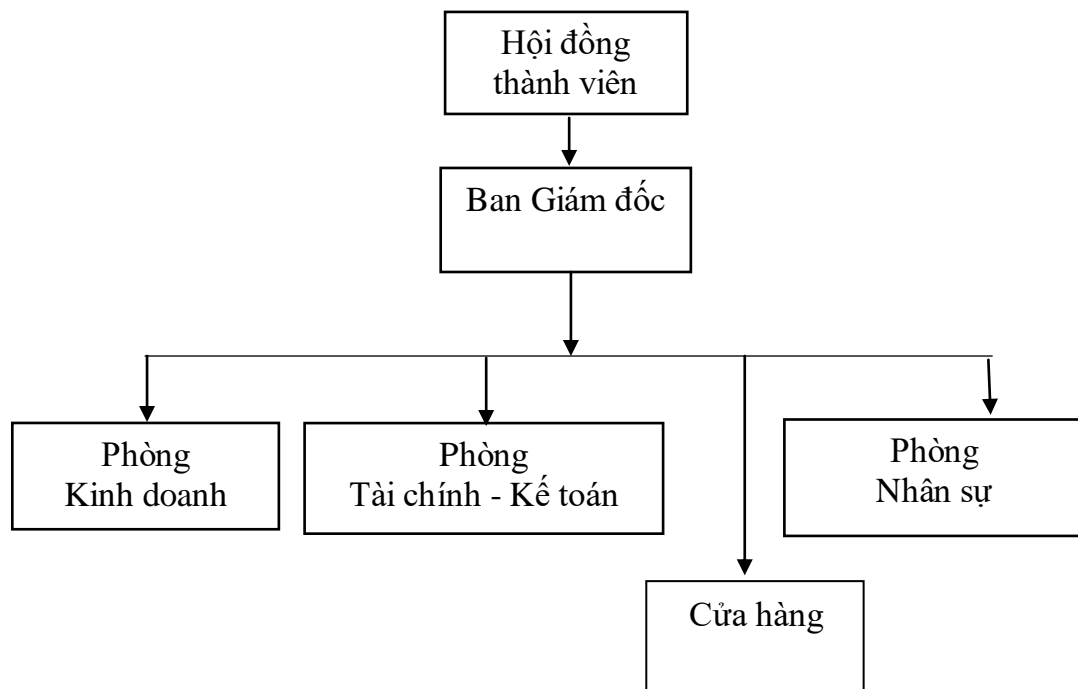
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh

Tại Công ty TNHH Sơn Hải ngành nghề kinh doanh được đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh, bao gồm:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng như: Gỗ xẻ nan, thép ống, thép tấm, thép hình (U,I,V)...
- Kinh doanh các loại gạch ốp, lát

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Sơn Hải

Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty TNHH Sơn Hải

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

- *Hội đồng thành viên*: Là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau: Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được thông qua. Các quyền và nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty.

- *Ban Giám đốc*: Quản lý mọi vấn đề trong quá trình sản xuất kinh doanh theo chiến lược và kế hoạch của mình đề ra. Cùng giám đốc theo dõi quá trình sản xuất kinh doanh và thay mặt giám đốc giải quyết công việc khi giám đốc vắng mặt.

- *Phòng Tài chính - Kế toán*: Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm hàng hóa, theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, báo cáo quyết toán tài chính. Kế toán phải tham mưu cho Ban Giám đốc

về các chính sách tài chính – Kế toán của công ty, phân tích đánh giá tình hình quản lý tài chính, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra đề xuất những biện pháp chỉ đạo thực hiện nghiệp vụ kế toán tài chính đảm bảo đúng pháp luật. Kiểm tra chất lượng, định lượng vật tư, hàng hóa trước khi nhập kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa theo dõi thành phẩm, vật tư.

Quản lý danh mục hàng hóa của công ty, quản lý toàn bộ số lượng giá trị nhập kho và tồn kho của hàng hóa, theo dõi hàng hóa mua sắm.

Kế toán chịu trách nhiệm tính lương và theo dõi các khoản thanh toán với cán bộ công nhân viên, theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền...

Viết, lập, quản lý hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty, theo dõi tất cả công nợ phải thu khách hàng, thu hồi công nợ, tập hợp chứng từ.

- *Phòng Kinh doanh*: Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng.

- *Phòng Nhân sự*: Quản lý công ty trong lĩnh vực hành chính, nhân sự nhằm đáp ứng kịp thời và đúng nhất cho hoạt động của công ty trong việc đánh giá đúng năng lực cán bộ cả về số lượng và chất lượng từ đó có sự phân công lao động hợp lý và hiệu quả.

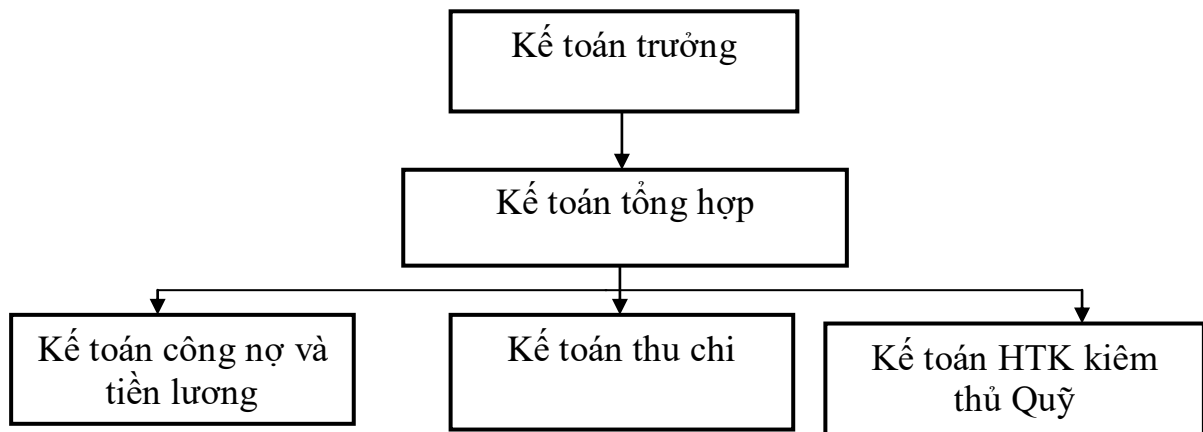
- *Cửa hàng*: Giao dịch với khách hàng mua hàng hàng ngày.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Sơn Hải

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyên, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Để phù hợp với quy mô, công ty đã xây dựng bộ máy kế toán của công ty theo mô hình tập trung. Bộ máy kế toán của công ty được phản ánh qua sơ đồ sau (*Sơ đồ 2.2*):



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Sơn Hải

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

❖ *Kế toán trưởng:*

+ Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

+ Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ *Kế toán tổng hợp:*

+ Giúp kế toán trưởng kiểm soát cập nhật hạch toán các số liệu thông qua các chứng từ ghi chép ban đầu hợp pháp vào sổ sách kế toán có liên quan kịp thời phải đảm bảo độ chính xác để báo cáo với kế toán trưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát hiện kịp thời những

sai sót vi phạm về nguyên tắc, nghiệp vụ quản lý KTTC... Căn cứ vào chứng từ thanh toán đã được Giám đốc duyệt và kế toán trưởng kiểm soát, lập phiếu thu và phiếu chi theo quy định sau đó chuyển cho thủ quỹ thực hiện. Theo dõi doanh thu, giá vốn hàng bán.

+ Theo dõi công tác thuế, lập bảng kê khai thuế hàng tháng. Quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng. Giúp kế toán trưởng hướng dẫn các phòng ban ghi chép các nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh đảm bảo chính xác đúng mẫu biểu quy định.

❖ *Kế toán công nợ và tiền lương:*

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ thanh toán phát sinh theo từng đối tượng, từng khoản thanh toán có kết hợp với thời hạn thanh toán, đôn đốc việc thanh toán, tránh chiếm dụng vốn lẫn nhau.

+ Đối với những khách nợ có quan hệ giao dịch mua, bán thường xuyên hoặc có dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối niên độ kế toán, kế toán cần tiến hành kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán và số còn nợ. Nếu cần có thể yêu cầu khách hàng xác nhận số nợ bằng văn bản.

+ Giám sát việc thực hiện chế độ thanh toán công nợ và tình hình chấp hành kỷ luật thanh toán

+ Tổng hợp và cung cấp thông tin kịp thời về tình hình công nợ từng loại cho quản lý để có biện pháp xử lý (nợ chưa đến hạn, nợ trong hạn, nợ quá hạn)

+ Tính lương và các khoản trích theo lương theo quy định

❖ *Kế toán thu chi :*

- Quản lý các khoản thu: Thực hiện các nghiệp vụ thu tiền: thu tiền của thu ngân hàng ngày & thu khác. Theo dõi tiền gửi ngân hàng. Quản lý các chứng từ liên quan đến thu chi.

- Quản lý các khoản chi: Lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp hàng tuần, hàng tháng. Chủ động liên hệ với nhà cung cấp trong trường hợp kế hoạch

thanh toán không đảm bảo. Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bằng tiền mặt hay tiền gửi cho nhà cung cấp: nhận hoá đơn, xem xét phiếu đề nghị thanh toán, lập phiếu chi...Thực hiện các nghiệp vụ chi nội bộ như lương, thanh toán mua hàng ngoài...Theo dõi nghiệp vụ tạm ứng.

❖ *Kế toán hàng tồn kho kiêm thủ quỹ:*

- Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho hàng hóa, cuối tháng tiến hành đối chiếu với thủ kho và kế toán tổng hợp để đảm bảo thống nhất số liệu.

- Phải tuyệt đối đảm bảo nguyên tắc về thu, chi tiền trong két quỹ theo chế độ hiện hành. - Kiểm tra các phiếu thu, chi khi các phiếu thu đã đầy đủ chữ ký duyệt kèm theo chứng từ gốc thủ quỹ mới được mở két để cấp phát tiền. - Thường xuyên cập nhật sổ quỹ kịp thời, cuối ngày rút số dư báo tồn quỹ. Cuối tháng lập biên bản kiểm kê quỹ đối chiếu số tiền tồn quỹ thực tế và tồn quỹ trên sổ kế toán.

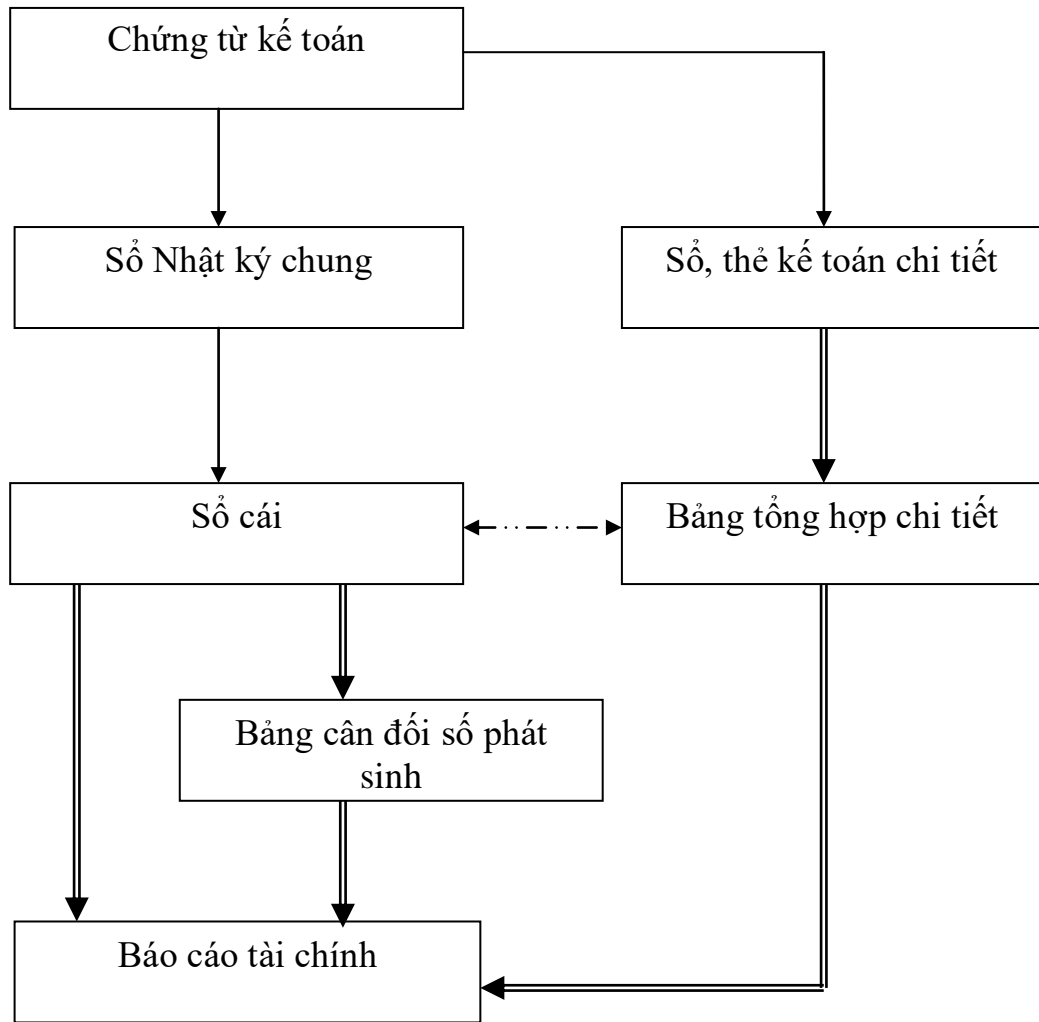
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Hải

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ Tài chính ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng ghi chép là: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1.4.3. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Sơn Hải

Công ty TNHH Sơn Hải áp dụng thực thức kế toán Nhật ký chung, dưới đây là Sơ đồ 2.3. minh họa quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung:

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Sơn Hải.

Hàng ngày, kế toán tập hợp, kiểm tra và phân loại chứng từ gốc, căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ “ Nhật ký chung”, “Sổ, thẻ kế toán chi tiết”, “Bảng tổng hợp chi tiết”. Sau đó từ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản.

Cuối tháng kế toán thực hiện thao tác khóa sổ. Luôn đối chiếu giữa các số liệu chi tiết và đảm bảo chính xác, trung thực thông tin đã nhập trong kì.

Cuối năm kế toán tổng hợp số liệu trên “Sổ cái”, lập “Bảng cân đối số phát sinh”. Sau khi đối chiếu trùng khớp số liệu ghi trên “Sổ cái” và “Bảng tổng hợp chi tiết” (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các “Báo cáo tài chính”. “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên “Bảng cân đối số phát sinh” phải bằng “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên sổ “Nhật ký chung” cùng kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Sơn Hải

2.2.1. Đặc điểm hàng tồn kho tại Công ty.

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hàng tồn kho được theo dõi ở các tài khoản: TK151 - Hàng mua đang đi đường, TK152 - Nguyên liệu, vật liệu, TK153 - Công cụ, dụng cụ, 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang, TK155 – Thành phẩm, TK156 - Hàng hóa, TK157 - Hàng gửi đi bán, TK158 - Hàng hoá kho bảo thuế. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, công ty không tiến hành hoạt động sản xuất, hoặc ký gửi hàng nên không có nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm hay hàng gửi bán. Hàng hóa tồn kho của công ty những hàng hóa công ty mua về để chờ bán như:

- Thép ống, thép tấm, thép hình (U,I,V)...
- Gạch ốp, lát
- Gỗ xẻ nan

Là một Doanh nghiệp kinh doanh thương mại, Công ty TNHH Sơn Hải hiểu rất rõ tầm quan trọng trong công tác quản lý các loại hàng hóa ở tất cả các khâu: thu mua, dự trữ, bảo quản và tiêu thụ nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của đơn vị đạt hiệu quả cao:

- Trong khâu thu mua hàng hóa: công ty đã theo dõi chặt chẽ về khối lượng, quy cách, chủng loại, giá mua, thuế VAT được khấu trừ, chi phí mua và thực hiện kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch tiêu thụ kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong khâu tiêu thụ hàng hóa: kế toán thực hiện công việc ghi chép phản ánh tình hình xuất bán hàng hóa.

- Trong khâu dự trữ: trên thực tế công ty không dự trữ nhiều hàng hóa mà thường là mua đến đâu thì tiêu thụ đến đó để tránh bị ứ đọng vốn.

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán chi tiết hàng tồn kho tại Công ty.

2.2.2.1. Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng tồn kho và phân công quản lý.

Trước khi hàng đưa vào nhập kho đều phải qua sự kiểm tra tỉ mỉ và chính xác của bên mua hàng và thủ kho. Hàng sau khi kiểm tra xong sẽ được lập biên bản kiểm nghiệm về số lượng và chất lượng, sau đó nhập kho.

Hàng hóa được quản lý tại kho của doanh nghiệp. Trong quá trình bảo quản tại kho, thủ kho phải có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra để tránh hư hỏng.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Giấy đề nghị cung cấp vật tư
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

2.2.4.3. Thủ tục nhập – xuất kho

a, Thủ tục nhập hàng hóa:

- Trước hết, căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng hàng dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng hóa. Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký xét duyệt. Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc sẽ trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán.

- Hàng hóa mua về phải có hóa đơn GTGT và giấy báo nhận hàng.

- Căn cứ vào số liệu thực tế và hóa đơn GTGT hoặc giấy báo nhận hàng, phiếu nhập kho hàng hóa được kế toán lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ.

Liên 3: Thủ kho giữ để vào thẻ kho.

Trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất thì phải thông báo ngay cho phòng kinh doanh cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý (có xác nhận của người giao hàng). Thông thường bên bán giao ngay tại kho nên sau khi kiểm tra chỉ nhập kho số hàng hóa đúng phẩm cấp đã ký kết lúc mua, số còn lại không đủ tiêu chuẩn thì trả lại cho người bán.

Giá thực tế hàng hóa nhập kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn của} \\ \text{người bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm giá,} \\ \text{CKTM, hàng mua bị} \\ \text{trả lại} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế giá trị gia tăng
- Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm: Vận chuyển, xếp dỡ....
- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại được hưởng là những khoản được giảm từ khi mua hàng phát sinh sau khi đã phát hành hóa đơn.

Ví dụ 1: Ngày 03/12/2017, Công ty TNHH Sơn Hải mua 20.000 kg thép ống mạ kẽm D21 của Công ty TNHH Trường Phước. Theo HĐ GTGT số 0008321 với trị giá hàng mua chưa thuế GTGT 10% là 493.000.000 đồng, đơn giá mua trên hóa đơn GTGT là 24.650 đ/kg, Công ty chưa thanh toán tiền hàng. Hàng được giao tại kho của công ty.

Sau khi kiểm kê nhận hàng đủ và nhập kho theo Biên bản kiểm nghiệm số 4/12, kế toán lập Phiếu nhập kho số 4/12.

- Tính giá thực tế hàng hóa nhập kho:

$$\text{Giá thực tế hàng hóa nhập kho} = 493.000.000 \text{ đồng}$$

- Thủ tục nhập kho hàng hóa của ví dụ trên như sau:

- + Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, phòng kinh doanh lập kế hoạch mua hàng hoá.

- + Sau khi tham khảo bảng báo giá của các bên đối tác, Ông Phạm Lâm Thái - nhân viên phòng kinh doanh trình đưa kế hoạch mua hàng để giám đốc ký duyệt.

- + Sau khi thông qua quyết định mua hàng, giám đốc sẽ trực tiếp ký hợp đồng mua bán.

- + Sau đó Ông Phạm Lâm Thái- nhân viên Phòng kinh doanh đi mua Thép ống mạ kẽm (Hoá đơn 0008321- công ty TNHH Trường Phước).

- + Tại kho, Bà Nguyễn Minh Tú - Thủ kho cùng bà Phạm Thị Thanh Huyền - kế toán hàng tồn kho tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hoá và nhập hàng vào kho.

- + Bà Phạm Thị Thanh Huyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hoá đơn GTGT số 0008321 (Biểu số 2.1), biên bản giao nhận hàng hoá (Biểu số 2.2) và lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3).

- + Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, 1 liên lưu tại quyền, 1 liên phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ và 1 liên thủ kho giữ để lập thẻ kho.

- + Ông Phạm Lâm Thái mang bộ chứng từ gồm hoá đơn mua hàng, biên bản giao nhận hàng hoá và phiếu nhập kho gửi về phòng kế toán để kế toán tiến hành ghi sổ.

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	Ký hiệu: AA/17P				
Liên 2: Giao cho khách hàng	Số: 0008321				
Ngày 03 tháng 12 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Trường Phước					
Địa chỉ: 141 - Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200900168					
Điện thoại: 0255.3916806	Số tài khoản:				
Họ tên người mua hàng: Phạm Lâm Thái					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Sơn Hải					
Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200575090					
Hình thức thanh toán:	chuyển khoản				
	Số tài khoản:				
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x
1	Thép ống mạ kẽm D21	kg	20.000	24.650	493.000.000
Cộng tiền hàng					493.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			49.300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					542.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm bốn hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

Biểu số 2.2. Biên bản giao nhận hàng hóa**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

Ngày 03 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên giao hàng): Công ty TNHH Trường Phước.

- Địa chỉ: Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Điện thoại: 0255.776035 Fax: 0255.776035
- Đại diện: Ông: Nguyễn Vũ Tình Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Bên B (Bên nhận hàng): Công ty TNHH Sơn Hải

- Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng
- Điện thoại: 0225 3612 111 Fax: 0225 3612 111
- Đại diện: Ông: Phạm Lâm Thái Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

STT	Tên quy cách vật liệu	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
1	Thép ống mạ kẽm D21	TOK D21	kg	20.000	x	

- Kèm theo chứng từ: + Hóa đơn giá trị gia tăng
- Biên bản kết thúc vào hồi 14h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.
- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán.

Đại diện bên A**Đại diện bên B***(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)*

Biểu số 2.3. Phiếu nhập kho**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 01 - VT*((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))***PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 03/12/2017

Số : 04/12

Nợ: 156

Có:331

Họ, tên người giao: Nguyễn Vũ Tình

Theo: HĐ GTGT số: 0008321....ngày 03 tháng 12 năm 2017 của: Công ty TNHH Trường Phước

Nhập tại kho: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
1	Thép ống mạ kẽm D21	TOK D21	Kg	20.000	20.000	24.650	493.000.000
	Cộng tiền hàng						493.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Bốn trăm chín ba triệu đồng chẵn./.*

Số chứng từ kèm theo: HĐ GTGT số 0008321, Biên bản giao nhận hàng hóa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)**Người giao hàng**
(Ký, họ tên)**Thủ kho**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)*(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)*

❖ *Thủ tục xuất kho hàng hoá*

Công ty TNHH Sơn Hải chủ yếu xuất kho là để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại. Hàng hoá sau khi được kiểm tra theo đúng các quy định sẽ bắt đầu tiến hành làm thủ tục xuất kho.

- Khách hàng đến mua hàng, phòng kinh doanh nhận đơn hàng và chuyển cho kế toán kho. Kế toán kho kiểm tra xem hàng hoá có đủ không và tiến hành lập phiếu xuất kho cho khách hàng.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại cổng
- + Liên 2: Lưu tại phòng kế toán
- + Liên 3: Chuyển cho thủ kho

- Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho để tiến hành xuất kho hàng hoá. Kế toán căn cứ vào Phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT (Giám đốc ký duyệt) và biên bản giao nhận hàng hoá.

- Nhận viên giao nhận hàng hoá nhận hàng và chứng từ gồm: Hoá đơn GTGT và biên bản giao nhận hàng hoá giao cho người mua (Công ty vận chuyển hoặc khách hàng tự vận chuyển).

• *Cách tính giá hàng xuất kho*

- Do hàng hoá chính trong công ty không nhiều chủng loại và giá cả cũng tương đối ổn định nên kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá hàng hoá xuất kho. Hàng hoá xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá của hàng tồn sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng hàng hóa xuất kho}$$

Ví dụ 2: Ngày 05/12/2017, Công ty TNHH Sơn Hải xuất bán 3.000 kg thép ống mạ kẽm D21 cho Công ty TNHH Cảnh Dương với trị giá xuất kho là 73.425.000 đồng, chưa thu tiền.

Cách xác định đơn giá và trị giá thép ống mạ kẽm xuất kho ở ví dụ này như sau:

Trị giá thép ống mạ kẽm D21 tồn đầu kỳ (1/12/2017) là: 230.250.500 đồng. Trong đó, số lượng hàng tồn là 9.550 kg. Đơn giá hàng tồn là 24.110 đ/kg. Từ ngày 1/12 đến hết ngày 04/12 công ty có mua một lần thép ống mạ kẽm D21 nhập kho số lượng là 20.000kg, đơn giá nhập kho là 24.650 đ/kg, trị giá hàng nhập kho là 493.000.000 đồng.

Số lượng thép ống mạ kẽm D21 tồn kho đến hết ngày 04/12/2017: 29.550 kg.

Đơn giá thép ống mạ kẽm D21 tính đến sáng ngày 05/12/2017 được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{thép ống mạ} \\ \text{kẽm} \end{array} = \frac{\text{Trị giá của thép ống mã kẽm D21 tồn kho đến ngày} \\ \text{4/12/2017}}{\text{Số lượng của thép ống mã kẽm D21 tồn kho đến} \\ \text{ngày 4/12/2017}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{thép ống mạ} \\ \text{kẽm} \end{array} = \frac{230.250.500 + 493.000.000}{9.550 + 20.000} = 24.475 \text{ đ/kg}$$

Vậy Trị giá thép ống mạ kẽm D21 xuất kho sáng ngày 5/12/2017 là:

$$\begin{aligned} \text{Trị giá xuất} &= \text{Đơn giá xuất kho} \times \text{Số lượng hàng xuất} \\ &= 24.475 \text{ đ/kg} \quad \times \quad 3.000 \text{ kg} \\ &= 73.425.000 \text{ đồng} \end{aligned}$$

• Thủ tục xuất kho ở ví dụ trên tại Công ty TNHH Sơn Hải như sau:

- Sau khi nhận được đơn hàng của công ty TNHH Cảnh Dương, Phòng kinh doanh chuyển đơn hàng sang cho kế toán kho.

- Bà Phạm Thị Thanh Huyền- kế toán bán hàng và hàng tồn kho kiểm tra lại lượng hàng hoá và lập phiếu xuất kho số 7/12 (Biểu số 2.4).

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu tại cuốn

+ Liên 2: Lưu tại phòng kế toán

+ Liên 3: Chuyển cho thủ kho

Tại kho, Bà Nguyễn Minh Tú căn cứ vào phiếu xuất kho phòng kế toán đưa xuống và tiến hành xuất kho.

- Kế toán theo phiếu xuất kho lập hoá đơn GTGT bán ra, sau đó đưa giám đốc ký duyệt.

- Ông Phạm Lâm Thái - nhân viên Phòng kinh doanh ký phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hoá và giao 3.000 kg thép ống mạ kẽm D21 cho công ty TNHH Cảnh Dương tại kho của Công ty mua hàng. Biên bản giao nhận (Biểu số 2.5) được lập tại thời điểm giao hàng. Hoá đơn GTGT được chuyển cho khách hàng tại thời điểm giao hàng.

Biểu số 2.4. Phiếu xuất kho**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 02-TT*((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))***PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ: 632

Ngày 05/12/2017

Có: 156

Số : 7/12

Họ và tên người nhận : Phạm Lâm Thái – Nhân viên Phòng kinh doanh

Lý do xuất: Xuất bán cho Công ty TNHH Cảnh Dương

Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Mã Hàng Hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép ống mạ kẽm D21	TOK D21	Kg	3.000	3.000	24.475	73.425.000
	Cộng			3.000	3.000		73.425.000

Ngày 05 tháng 12 năm 2017

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)NGƯỜI NHẬN HÀNG
(Ký, họ tên)THỦ KHO
(Ký, họ tên)KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)*(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)*

Biểu số 2.5. Biên bản giao nhận hàng hóa**BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

Ngày 05 tháng 12 năm 2017

Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên giao hàng): Công ty TNHH Sơn Hải

- Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng.

- Điện thoại: 0225 3612 111 Fax: 0225 3612 111

- Đại diện: Ông: Phạm Lâm Thái, Chức vụ: Nhân viên Phòng kinh doanh

Bên B (Bên nhận hàng): Công ty TNHH Cảnh Dương

- Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

- Điện thoại: 0255.6612 541 Fax: 0255.6612 541

- Đại diện: Ông: Phạm Đức Huy, Chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hoá bàn giao như sau:

STT	Tên quy cách vật liệu	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
1	Thép ống mạ kẽm D21x 2.1mm		kg	3.000	x	

- Kèm theo chứng từ: + Hóa đơn giá trị gia tăng

- Biên bản kết thúc vào hồi 9h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên.

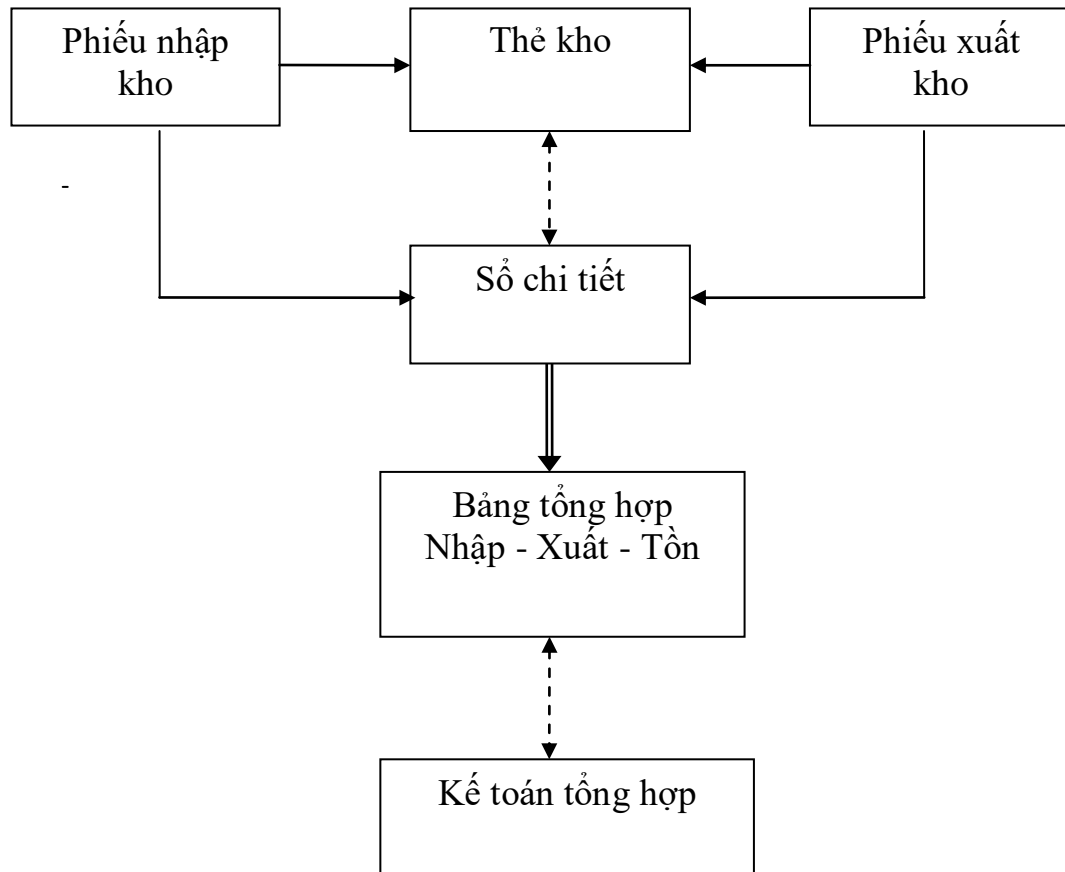
- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán.

Đại diện bên A**Đại diện bên B**

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

2.2.4.4. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty TNHH Sơn Hải

Kế toán chi tiết hàng tồn kho phù hợp tại Công ty TNHH Sơn Hải theo phương pháp “Thẻ song song”. Do đó việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và tại kho. Dưới đây là sơ đồ kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp “Thẻ song song”:



Ghi chú: Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song tại công ty

❖ **Tại kho:**

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất phát sinh thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng thứ, từng loại hàng hóa để ghi chép tình hình nhập – xuất - tồn của từng loại hàng hóa vào sổ kho chi tiết từng loại theo số lượng.

Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế so với số liệu trên thẻ kho.

Thủ kho theo dõi số lượng nhập xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại, từng thứ, loại hàng hóa sẵn sàng xuất bán khi có yêu cầu.

❖ **Tại phòng kế toán:**

Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Hàng ngày, hoặc định kỳ khi nhận được chứng từ nhập, xuất kho hàng hóa do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.

Hàng ngày, sau khi ghi chép xong toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất kho lên sổ hoặc thẻ chi tiết, kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng loại hàng hóa. Cuối kỳ, kế toán hàng tồn kho tổng hợp số liệu từ các sổ chi tiết hàng hóa lập Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.

Tiếp ví dụ 1:

- Ở Kho: Khi nhận được phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho theo dõi cho thép ống mã kẽm D21 (Biểu số 2.6).

- Ở phòng kế toán: Kế toán hàng tồn kho căn cứ vào phiếu xuất kho tiến hành ghi vào sổ chi tiết hàng hoá theo dõi cho thép ống mã kẽm D21 (Biểu số 2.7). Cuối kỳ, tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết hàng hoá theo dõi cho thép ống mã kẽm D21, kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nhập – xuất - tồn hàng hoá (Biểu số 2.8)

Tiếp ví dụ 2:

- Ở Kho: Từ phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành ghi vào thẻ kho theo dõi cho thép ống mạ kẽm D21 (Biểu số 2.6).

- Ở phòng kế toán: Khi nhận được phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa theo dõi cho thép ống mã kẽm D21 (Biểu số 2.7). Cuối kỳ, tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết hàng hoá theo dõi cho thép ống mã kẽm D21, kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nhập – xuất - tồn hàng hoá (Biểu số 2.8).

Biểu số 2.6. Thẻ kho**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S09-DN*(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)***THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2017

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép ống mạ kẽm D21
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: TOKD21

T T	NT GS	SH CT		Diễn giải	Ngày N - X	Số lượng			Xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu kỳ				9.550	
1	03/12	PN 4/12		Mua nhập kho của công ty TNHH Trường Phước	03/12	20.000		29.550	
2	05/12		PX 7/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Cảnh Dương	05/12		3.000	26.550	
				...					
6	10/12		PX 16/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Thái Thiệp Hòa	10/12		5.000	21.550	
				...					
11	20/12		PX 31/12	Xuất bán cho Công ty CP Trường An	20/12		7.000	9.550	
				...					
				Cộng cuối kỳ		20.000	21.000	8.550	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

Biểu số 2.7. Trích Sổ chi tiết hàng hóa thép ống mạ kẽm D21**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI****Mẫu số S09-DN**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tên hàng hóa: Thép ống mạ kẽm D21

Tài khoản: 156

Tháng 12 năm 2017

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		24.110					9.550	230.250.500
PN4/12	03/12	Mua nhập kho của công ty TNHH Trường Phước	331	24.650	20.000	493.000.000			29.550	723.250.500
PX7/12	05/12	Xuất cho Công ty TNHH Cảnh Dương	632	24.475			3.000	73.425.000	26.550	649.825.500
		...								
PX16/12	10/12	Xuất bán cho Công ty TNHH Thái Thiệp Hòa	632	24.475			5.000	122.375.000	21.550	527.450.500
		...								
PX 20/12	20/12	Xuất bán cho Công ty CP Trường An	632	24.475			7.000	171.325.000	9.550	233.736.250
		...								
		Cộng phát sinh			20.000	493.000.000	21.000	513.975.000		
		Tồn cuối kỳ		24.475					8.550	209.275.500

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

Biểu số 2.8. Trích Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn

CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

Mẫu số S10-DN

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO HÀNG HÓA

Tháng 12 năm 2017

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Thép ống mạ kẽm D21	Kg	9.550	230.250.500	20.000	493.000.000	21.000	513.975.000	8.550	209.275.500
2	Thép tấm D10	Kg	1.000	12.800.000	8.000	104.000.000	7.930	102.897.929	1.070	13.902.071
3	Thép tròn các loại	Kg	2.095	29.967.062	2.793	32.012.000	2.816	31.876.780	2.072	30.102.282
4	Thép hình chữ U	Kg	354	14.180.500	202	8.080.000	453	17.161.011	103	5.099.489
...
Tổng cộng			x	2.930.156.820	x	4.214.089.000	x	4.198.007.980	x	2.946.237.840

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

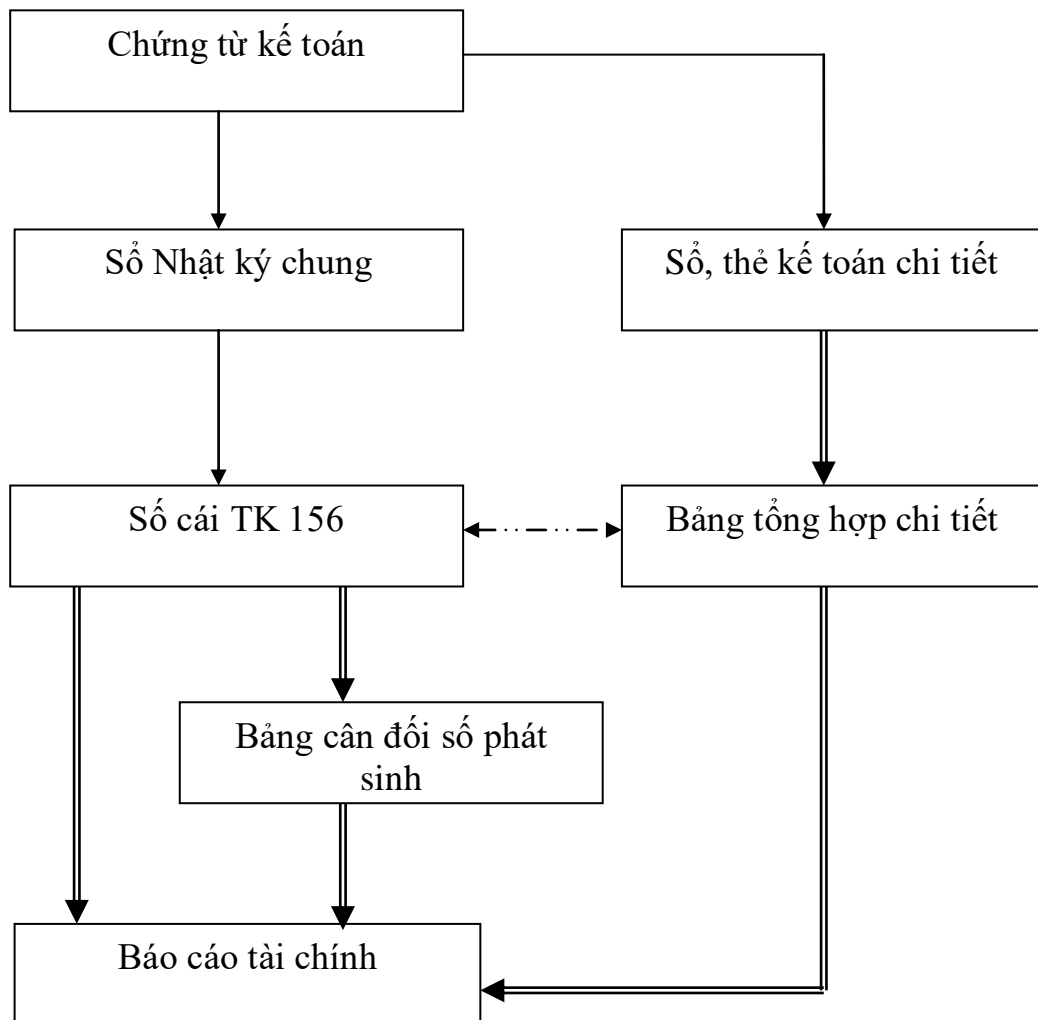
Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

2.2.3. Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

Sơ đồ 2.5. Trình tự hạch toán kế toán tổng hợp hàng hóa tại công ty

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 156
- Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Tiếp theo của các ví dụ trên:

• **Tiếp ví dụ 1:**

Từ phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.9) từ sổ. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 156 (Biểu số 2.10)

• **Tiếp ví dụ 2:**

Từ phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.9) từ sổ nhật ký chung kế toán lập sổ cái tài khoản 156 (Biểu số 2.10)

Biểu số 2.9. Trích Sổ Nhật ký chung**CÔNG TY TNHH SON HẢI****Mẫu số S03a-DN**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
3/12	PNK 4/12 HĐ8321	3/12	Mua thép ống mạ kẽm của Công ty TNHH Trường Phước nhập kho, chưa thanh toán.	156 133 331	493.000.000 49.300.000	542.300.000
					
04/12	BC721	4/12	Công ty TNHH Đại Phong trả tiền.	112 131	100.000.000	100.000.000
05/12	PXK 7/12	05/12	Giá vốn xuất thép ống mạ kẽm bán cho Công ty TNHH Cảnh Dương	632 156	73.425.000	73.425.000
05/12	HĐ 9930	05/12	Doanh thu xuất bán thép ống mạ kẽm bán cho Công ty TNHH Cảnh Dương	131 511 333	84.975.000	77.250.000 7.725.000
					
8/12	PC 721 HĐ1327	08/12	Chi tiếp khách	642 133 111	2.200.000 220.000	2.420.000
					
9/12	GBN 701	09/12	Thanh toán tiền cho công ty TNHH Trường Phước	331 112	120.000.000	120.000.000
					
10/12	PX 12/12	10/12	Giá vốn xuất bán thép tấm cho Công ty TNHH Thái Thiệp Hòa	632 156	8.158.500	8.158.500
10/12	PT 615 HĐ9932	10/12	Doanh thu xuất bán thép tấm cho Công ty TNHH Thái Thiệp Hòa, thu bằng tiền mặt	111 511 333	10.776.150	9.796.500 979.650
					
			Cộng phát sinh		15.870.789.080	15.870.789.080

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

Biểu số 2.10. Trích Sổ cái TK156**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN*(Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2017

Tài khoản: 156 – Hàng hóa

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		2.930.156.820	
			Số phát sinh trong tháng			
			...			
3/12	PNK 4/12 HD83 21	3/12	Mua thép ống mạ kẽm của Công ty TNHH Trường Phước nhập kho, chưa thanh toán.	331	493.000.000	
			...			
05/12	PXK 7/12	05/12	Giá vốn xuất thép ống mạ kẽm bán cho Công ty TNHH Cảnh Dương	632		73.425.000
			...			
8/12	PNK 5/12 HD83 27	08/12	Mua thép tấm nhập kho của công ty Cổ phần Thép Thiên Phú	331	39.000.000	
10/12	PX 12/12	10/12	Giá vốn xuất bán thép tấm cho Công ty TNHH Thái Thiệp Hòa	632		8.158.500
			...			
			Cộng số phát sinh		4.214.089.000	4.198.007.980
			Số dư cuối tháng 12		2.946.237.840	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)*

2.4. Công tác tổ chức kiểm kê hàng hoá tại công ty TNHH Sơn Hải.

Công ty TNHH Sơn Hải tiến hành kiểm kê kho nhằm xác định chính xác số liệu, giá trị của từng loại hàng hóa hiện có tại thời điểm kiểm kê. Bên cạnh đó, việc kiểm kê giúp cho Công ty kiểm tra tình hình bảo quản, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp hao hụt, hư hỏng, mất mát để có biện pháp xử lý kịp thời.

Cuối mỗi năm, kế toán kết hợp với các bộ phận có liên quan sẽ tiến hành kiểm kê hàng hóa tồn kho (Biểu 2.11).

Kế toán thực hiện so sánh, đối chiếu giữa sổ chi tiết hàng hóa với số lượng thực tế trong kho. Không có sự chênh lệch về giá trị hay số lượng giữa hàng hóa tồn thực tế trong kho và hàng hóa tồn trên sổ sách.

Biểu số 2.11. Trích Biên bản kiểm kê**CÔNG TY TNHH SƠN HẢI****Mẫu số 05-VT**

Địa chỉ: Số 125 - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

*((Ban hành theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC))***BIÊN BẢN KIỂM KÊ HÀNG HÓA**

Thời điểm kiểm kê: Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông Vũ Văn Thử Chức vụ: Phó Giám Đốc
- Bà Nguyễn Minh Tú Chức vụ: Thủ kho
- Bà Phạm Thị Thanh Huyền Chức vụ: Kế toán hàng tồn kho kiêm thủ quỹ

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hóa	ĐVT	Đơn giá	Theo số kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất
				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
1	Thép ống mạ kẽm D21	Kg	24.475	855	20.927.550	855	20.927.550					Còn tốt 100%
2	Thép tấm D10	Kg	12.993	1.070	13.902.071	1.070	13.902.071					Còn tốt 100%
3
Cộng					2.946.237.840		2.946.237.840					

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính - Kế toán – Công ty TNHH Sơn Hải)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TNHH SƠN HẢI

3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng tại Công ty TNHH Sơn Hải.

Qua một thời gian thực tập ở Công ty TNHH Sơn Hải với việc nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải” em xin đưa ra một số ý kiến sau:

3.1.1. Ưu điểm

▪ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty.

- Bộ máy kế toán hợp lý, khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng; mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác kế toán của công ty. Đội ngũ kế toán trong công ty là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm, nên phản ánh nhanh chóng, kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán hiệu quả, phục vụ tốt công tác quản lý.

▪ *Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính:*

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản kế toán: Hệ thống tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành theo TT số 200/2014 TT – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát

sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của lãnh đạo công ty.

- Về hệ thống báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

▪ *Về công tác kế toán hàng tồn kho*

Công ty TNHH Sơn Hải áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho. Đây là phương pháp dễ làm dễ kiểm tra đối chiếu, tính toán đơn giản.

Mặt khác, với đặc điểm vận động của hàng tồn kho trong công ty là tình hình nhập, xuất hàng hóa diễn ra hàng ngày và rất nhiều nên việc lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp hàng tồn kho có ưu điểm hơn. Nó cho phép nhận biết một cách thường xuyên tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa trong công ty.

▪ *Về phương pháp tính giá hàng tồn kho:*

Công ty TNHH Sơn Hải tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân liên hoàn) là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Với việc áp dụng phương pháp này giúp kế toán Công ty vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu, vừa phản ánh được tình hình biến động của thị trường.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được về công tác kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng tại công ty vẫn còn những tồn tại nhất định cần phải tiếp tục hoàn thiện.

❖ *Về phương pháp ghi chép sổ sách kế toán*

Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ

công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty.

❖ ***Công tác xây dựng danh điểm hàng hóa***

Hiện nay, hàng hóa của công ty rất đa dạng và phong phú nhưng công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại, từng hàng hóa do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Các loại hàng hóa mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất rất khó để phân loại. Do vậy công tác quản lý hàng hóa chưa đạt được hiệu quả tối ưu, khối lượng công việc nhiều. Các hàng hóa chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống hàng hóa được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán sau này của đơn vị.

3.2.1 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải

3.2.1.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện

- Kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý kinh doanh nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên công việc kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn và theo chính sách chế độ quản lý kế toán tài chính mới của Nhà Nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho của doanh nghiệp phải đáp ứng những yêu cầu sau:

+ Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán mà Bộ Tài chính ban hành. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà Nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo khả năng

so sánh, đối chiếu được và thuận tiện cho việc kiểm tra chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

+ Tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán hàng tồn kho nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất, kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...) để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo tuân theo các chế độ chuẩn mực của Nhà Nước.

+ Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Nếu thông tin kế toán không đáp ứng được những yêu cầu cơ bản này thì các quyết định đưa ra trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ không đảm bảo được tính thích hợp, đúng đắn, sát với thực tế. Hơn nữa thông tin kế toán được cung cấp còn là một bức tranh toàn cảnh về doanh nghiệp. Nó là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư, các ngân hàng... vì thế thông tin kế toán được cung cấp như thế nào sẽ quyết định lớn đến sự thắng lợi của doanh nghiệp trong cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

+ Hoàn thiện kế toán hàng tồn kho phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác nhau, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị, kế toán hàng tồn kho cũng như các phần hành kế toán khác chỉ là một biện pháp trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, khăng khít với nhau, không thể thiếu một bộ phận nào. Vì vậy bất kỳ một phần hành kế toán nào yếu kém đều ảnh hưởng tới các phần hành kế toán khác và do đó tác động tới tất cả hệ thống

kế toán của doanh nghiệp.

Như vậy, chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán hàng tồn kho mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.1.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện kế toán hàng hóa tồn kho

Các thông tin kế toán là thông tin rất quan trọng và cần thiết cho công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin thật chính xác về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý.

+ Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hàng tồn kho trong doanh nghiệp được tốt hơn không phải là làm bất cứ thay đổi gì chỉ để phù hợp với điều kiện doanh nghiệp mình mà cần phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ chế độ tài chính kế toán hiện hành, các văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan, đồng thời tiến tới hòa nhập với các thông lệ chung và chuẩn mực kế toán Quốc tế. Công ty có thể vận dụng chế độ linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty nhưng vẫn phải tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán Việt Nam.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ và yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán là nhằm hướng tới làm tốt hơn vai trò cung cấp thông tin cho cấp quản trị trong doanh nghiệp và những người quan tâm được biết về tình hình tài chính của Công ty.

- Để đáp ứng được các yêu cầu hoàn thiện đưa ra thì kế toán hàng tồn kho phải tiến hành hoàn thiện trên các mặt theo phương hướng sau:

+ Trước hết, hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời chính xác phục vụ cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp và đạt hiệu quả cao.

+ Cần củng cố và tăng cường vai trò cung cấp thông tin tổng hợp về tình hình nhập xuất tồn kho của hàng hóa từ các sổ kế toán tổng hợp của Công ty.

+ Phản ánh giá trị của hàng hóa một cách xác thực hơn phù hợp hơn với giá cả của hàng hóa tại thời điểm sử dụng.

+ Phản ánh đúng nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ, tạo điều kiện cung cấp chính xác trong hạch toán kế toán.

+ Hoàn thiện song phải dựa trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.1.3 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tồn kho tại Công ty

Bằng những kiến thức tài chính kế toán đã được học tại trường và qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Sơn Hải, em đã thấy được sự vận dụng giữa lý thuyết và thực tế trong công tác kế toán hàng tồn kho. Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán hàng tồn kho đã đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của tổ chức kế toán. Xuất phát từ những hạn chế này, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện thêm tổ chức kế toán hàng tồn kho tại công ty.

❖ *Giải pháp thứ nhất: Về công tác ghi chép sổ sách kế toán.*

- Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

- Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy vì tính nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc ghi chép sổ sách kế toán thuận tiện; số liệu cung cấp sẽ nhanh chóng, kịp thời; việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo

của công ty dễ dàng hơn.

- Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty nên cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

- Nếu công ty áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các nhà quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn làm cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn.

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2017)

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

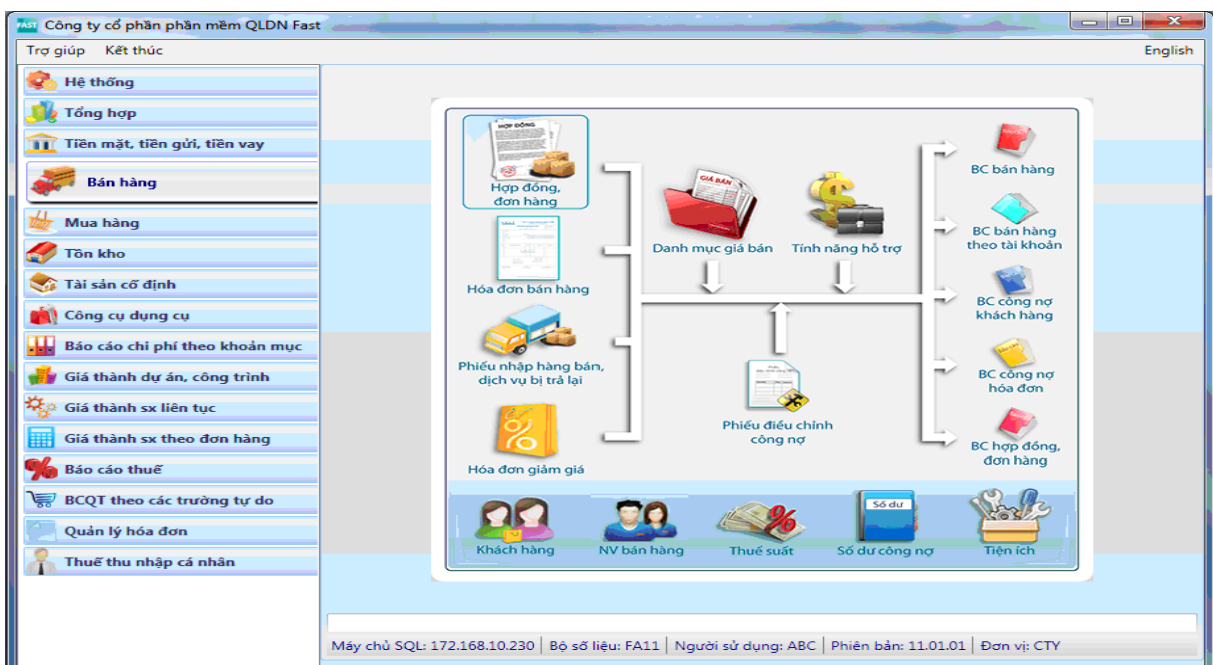
- Tính chính xác: số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn

- Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao.



➤ **Phần mềm kế toán Fast 2017**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, Fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình
- Tốc độ xử lý nhanh.
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.



➤ **Phần mềm kế toán 3TSOFT 2017**



❖ **Giải pháp thứ hai: Về công tác xây dựng hệ thống danh điểm hàng hóa.**

- Hàng hóa tồn kho trong công ty có nhiều chủng loại vì vậy doanh nghiệp nên lập danh điểm hàng hóa để việc theo dõi và kiểm soát vật tư được dễ dàng và chính xác hơn.

- Để thuận tiện cho công tác quản lý hàng hóa được chặt chẽ thống nhất, đối chiếu kiểm tra được dễ dàng và dễ phát hiện khi sai sót và thuận tiện cho việc muốn tìm kiếm thông tin về một loại hàng hóa nào đó, trước hết công ty nên lập danh điểm hàng hóa. Hệ thống danh điểm hàng hóa được mở theo tên gọi, quy cách hàng hóa bằng hệ thống chữ số, đơn vị tính. Muốn mở được sổ này trước hết công ty phải xác định số danh điểm hàng hóa thống nhất trong toàn công ty chứ không phải xác định tùy ý chỉ giữa kho và phòng kế toán.

Số danh điểm vật liệu này sẽ thống nhất tên gọi, mã, đơn vị tính của từng loại hàng hóa.

Khi đánh số danh điểm hàng hóa cho từng loại ta kế thừa TK cấp 2: 1561 - giá mua để mở chi tiết cấp 3 cho từng nhóm hàng hóa. Trong các nhóm hàng hóa đó lại tiếp tục đánh 01, 02, 03... cho từng loại hàng hóa, sau đó lại đánh 01, 02,.. cho từng thứ hàng hóa. Cụ thể (Biểu 3.1).

TK cấp 2: 1562 – Chi phí mua được mở để theo dõi chi phí mua như chi phí vận chuyển, bốc xếp bảo quản ... cho tất cả các loại hàng hóa nếu có phát sinh.

- Như đã nói ở trên, hạch toán chi tiết hàng hóa ở công ty áp dụng phương pháp thẻ song song và việc tính giá xuất hàng hóa theo phương pháp bình quân liên hoàn, như vậy việc mở sổ danh điểm hàng hóa sẽ góp phần giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, xử lý nhanh chóng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý, kinh doanh và rất thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán cho phần vận hành hạch toán hàng tồn kho trên máy vi tính. Sổ danh điểm có thể được xây dựng theo mẫu sau:

Biểu 3.1: Sổ danh điểm hàng hóa

SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA

Kho	Danh điểm hàng hóa		Tên hàng hóa	ĐVT	Ghi chú
	Công ty	Nhóm			
156.1			Hàng hóa	Kg	
	156.1.01		Thép tấm	Kg	
		156.1.01.01	Thép tấm D3	Kg	
		156.1.01.02	Thép tấm D10	Kg	
			...		
	156.1.02		Thép cuộn	Kg	
		156.1.02.01	Thép cuộn D6	Kg	
		156.1.02.02	Thép cuộn D8	Kg	
			...	Kg	

KẾT LUẬN

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Sơn Hải, em nhận thấy rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác kế toán hàng tồn kho tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán hàng tồn kho là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo hoạt động kinh doanh cũng như việc lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận vấn đề: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại theo TT số 200/2014/TT-BTC.
- Về thực tế: Đã phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH Sơn Hải và đã chứng minh bằng số liệu năm 2017 cho các lập luận đã nêu ra.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty TNHH Sơn Hải, bài khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương hướng hoàn thiện kế toán hàng tồn kho tại công ty.

Do thời gian thực tập không nhiều và kiến thức còn hạn chế nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót vì vậy em mong nhận được sự giúp đỡ và đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để em có thể hoàn thiện được khóa luận tốt hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, nhân viên trong phòng kế toán và các phòng ban khác của Công ty TNHH Sơn Hải, thầy cô giáo bộ môn và đặc biệt là cô giáo hướng dẫn **Th.S. Hòa Thị Thanh Hương** đã giúp đỡ em hoàn thành bài viết này.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư 200/2014/TT-BTC*.
4. Công ty TNHH Sơn Hải (2017) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên internet.